Public Disclosure Authorized

Public Disclosure Authorized

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Cau Giay

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/Area (m2)	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
CCN Cầu Giấy																			
1	Cty TNHH thiết bị điện AC	0	Lô A1	723.6															
2	HTX dịch vụ Nhà nước và kinh doanh tổng hợp Dịch Vọng	0915327568	Lô A1D	634.3															
3	Cty Dược phẩm 3A	6	Lô A1E	631															
4	Cty CP Hà Thanh		Lô A2A	656															
5	Cty CP thương mại và du lịch Hoàng Linh		Lô A2B	638															
6	Cty San Nam	9	Lô A2F	914															
7	Cty TNHH TTC	1	Lô B1A	815.4															
8	Cty TNHH Hài Hòa	8	Lô B1D	720															
9	Cty TNHH Thương mại và đầu tư công nghệ	0903281711	Lô B1E	621															
10	Cty CP phát triển đầu tư FPT		Lô B2	1600															
11	Cty CP tập đoàn máy tính CMC	8	Lô C1A	1200															
12	Cty CP tập đoàn đầu tư thương mại Việt Á	0903341369	Lô C1B	800															
13	Cty dược phẩm Đô Thành	5	Lô C1C	538															
14	Cty CP đầu tư NCX Hà Nội	4	Lô C1D	880															
15	Cty CP tập đoàn đầu tư tài chính Thái Bình	0913211044	Lô B1C	720															
16	Cty TNHH Tiền Phong	5	Lô C2B	1300															
17	Cty CP TENLIN Vạn Hương	2	Lô C2C	573															
18	Cty TNHH VNT		Lô C2D	600															
19	HTX thương binh Ân Phú	0	Lô C2E	630															
20	Cty dịch vụ môi trường công nghiệp vận tải	0903231595	Lô C2F	639															
21	Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật		Lô A1C	648															
22	Cty CP Lập Thể	3	Lô C2K	449															
23	Cty điện tử tin học hóa chất Bộ Quốc phòng	0903417867	Lô B1F	675															
24	Cty thương mại đại phát	0	Lô A2C	456															
25	Cty công nghệ Biển Xanh	7	Lô A1K	280															
26	Cty CP Phượng Hoàng	9	Lô B2H	661															
27	Cty TNHH thương mại dịch vụ đầu tư Phát Triển		Lô A2E	451															
28	Cty Việt Mai	0903437234	Lô A1F	424															
29	Cty TNHH thương mại kỹ thuật Việt Hải	0913214884	Lô C2H	448															
30	Cty máy tính truyền thông Hồng Nam	0903406669	Lô A1H																
31	Cty TNHH Hợp Nhất	8	Lô A1H	387.56															
32	Cty TNHH Hoàng Đạo	1	Lô B1B	500															
33	Cty CP TVKT-KT Việt Nam	6	Lô C2A	415															
34	Cty TNHH công nghệ thông tin ISA	0902204466	Lô A1B	524.14															
35	Cty CP đầu tư phát triển công nghệ điện tử Viễn Thông	0912388888	Lô B1K	497															
36	Cty CP Hương Giang		Lô C2L	290															

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Chuong My

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Địa chỉ/ Location	Diện tích/Area (m2)	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS	
											(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)
KCN Phú Nghĩa																
1	Cty mây tre Chúc Sơn				bamboo thread weaving	30										
2	Cty mây tre Hà Linh				bamboo thread weaving	19										
3	Cty sông Đà 9				car fixing, mechanic	125										
4	Cty liên doanh Tiger Lily				handicraft	50										
5	Cty TNHH & TM Hưng Thịnh				handicraft	26										
6	Cty TNHH cao su Minh Thành				rubber, plastic products	57										
7	Cty CP XNK Hà Tây					27										
8	Cty TNHHĐoàn Kết 1				bamboo thread weaving	115										
9	DNTN Thanh Tuấn				bamboo thread weaving	55										
10	Cty TNHH Thế Giới Sơn Mài				pottery, pearl inlaid products	225										
11	Cty TNHH Tuấn Quang				pottery, pearl inlaid products	102										
12	Cty TNHH Nhật Thắng				handicraft	28										
13	Cty TNhh vật liệu đặc biệt Giai Đức				bike, car accessories	282										
14	Cty TNHH Văn Đạo				lubricant	20										
15	Trường đào tạo nghề VN-Korea					62										
16	Cty TNHH Hà Huy				wheat powder											
17	Cty TNHH EH Hà Tây				cattle, poultry feed	87										
18	Cty TNHH Tự Lực				paper											
19	Cty TNHHđồ chơi trẻ em Chee Wah				toys	1699										
20	Starlight				sport clothes											
21	Cty TNHH thời trang Star				sport clothes											
22	Cty TNHH chăn nuôi CP Việt Nam				food processing											
23	Cty TNHH công nghiệp Vũ Dương				bike, car accessories											
24	Cty TNHH công nghiệp Việt Chin				bike, car accessories	98										
25	Thụy Điển				beverage	16										
26	Cty TNHH Doojung Việt Nam				beauty care tools											
27	Cty TNHH Ngọc Long				paint											
28	Cty TNHH Sunjin				cattle, poultry feed											
29	Viện cơ khí năng lượng và mỏ				Metal ore processing											
30	Cty TNHH xây dựng XNK Hà Lâm				wood products											
31	Cty thiết bị điện công nghiệp Hà Nội				electronic products											
32	Nam				electronic products											
33	Cty cơ khí chính xác số 1				bike, car accessories											
34	Cty TNHH thảo dược Phúc Thái				medicine											
CCN Phụng Châu																
1	Hộ kinh doanh cá thể Trần Văn Luật	Phụng Châu commune	2064	private	brake	20										
2	HKDCT Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Phụng Châu commune	3710	private	electronic product	30										
3	HKDCT Lê Văn Đức	Phụng Châu commune	4522	private	garment	40										
4	HKDCT Hà Chí Quân	Phụng Châu commune	2264	private	inner tube, tyre	40										
5	HKDCT Đinh Thị Dung	Phụng Châu commune	3016	private	PVC tube	20										
6	HKDCT Nguyễn Thị Dung	Phụng Châu commune	2060	private	industrial	30										
7	HKDCT Nguyễn Sơn Hùng	Phụng Châu commune	3402	private	electronic cable	30										
CCN Tiên Phương																
1	HKDCT Nguyễn Danh Hùng	Tiên Phương commune	16861	private	bamboo thread weaving	65										
2	HKDCT Nguyễn Bá Bình	Tiên Phương commune	10932	private	car fixing	30										
3	HKDCT Tống Văn Thiết	Tiên Phương commune	5869	private	bamboo thread weaving	80										
4	HKDCT Nguyễn Danh Tôn	Tiên Phương commune	9735	private	bamboo thread weaving	110										
5	HKDCT Tống Bá Thảo	Tiên Phương commune	9484	private	bamboo thread weaving	120										
6	HKDCT Nguyễn Văn Quý	Tiên Phương commune	4944	private	bamboo thread weaving	80										

CCN Đông Phương Yên																
1	Tổ hợp tác Lệ Tùng	Đông Phương Yên	4570	private	bamboo thread weaving	50										
2	HKDCT Trần Thị Đóa	Đông Phương Yên	1432	private	bamboo thread weaving	30										
3	HKDCT Nguyễn Trọng Lạc	Đông Phương Yên	398	private	food processing	8										
CCN Ngọc Hòa																
1	HKDCT Lê Thị Vân	Ngọc Hòa commune	3457	private	wood products	15										
2	HKDCT Đào Bá Chính	Ngọc Hòa commune	790	private	wood products	10										
3	HKDCT Trịnh Duy Chiểu	Ngọc Hòa commune	3373	private	PVC tube	20										
4	HKDCT Lê Tuấn Kế	Ngọc Hòa commune	1964	private	material plastic beads	10										
5	HKDCT Nguyễn Thị Thu	Ngọc Hòa commune	3199	private	car fixing	20										
6	Cty TNHH Văn Minh	Ngọc Hòa commune	62659	private	china	250										
7	Cty TNHH Vĩnh Thành	Ngọc Hòa commune	14584	private	garment	30										
CCN thị trấn Chúc Sơn																
1	HKDCT Nguyễn Thị Phượng		8358	private	bamboo thread weaving	300										
2	HKDCT Bùi Hồng Minh		10122	private	mechanical product	72										
3	HKDCT Bùi Mạnh Toàn		11648	private	food processing	140										
4	HKDCT Nguyễn Khắc Tuyển		2496	private	stopper from wood, plastic, metal…	30										
5	HKDCT Hoàng Đức Dũng		12282	private	sole of shoe	95										
6	HKDCT Phùng Văn Tiến		6818	private	sole of shoe	20										
7	HKDCT Ngô Văn Ngọc		527	private	technical assembly	12										
8	HKDCT Nguyễn Hữu Hùng		2084	private	food processing	30										
9	HKDCT Võ Văn Hòa		5873	private	technical pattern	50										
10	HKDCT Đào Quang Hoạt		1944	private	mechanical product	61										
11	HKDCT Nguyễn Đình Sáo		5000	private	wood products	30										
12	Xí nghiệp MTĐ Ngọc Sơn		8304	private	bamboo thread weaving	140										
13	Cty TNHH bao bì Ngọc Thúy		10654	private	carton package	58										
14	Cty TNHH vải sợi Khúc Tân		5707	private	garment	100										
15	Cty kinh doanh vật tư và xây dựng		8985	private	Ready Mixed Concrete	210										
16	Cty Tân Trường An		5000	private	wood products	73										
17	Cty CP PTC		3000	Joint-stocked	foot-wear	60										
18	Cty TNHH SXKD thể thao		3000	private	sport equipment	150										
19	Cty TNHH quốc tế Trường Sơn		6003	private	gear	40										
20	Cty TNHH An Quý Hưng		8551	private	Ready Mixed Concrete	40										
21	Cty CP công nghiệp giấy Ngọc Việt		2663	private	paper, print	50										
22	Cty TNHH HuyĐộ		2663	private	mechanical product	90										
ĐCN Hợp Đồng																
1	HKDCT Đặng Đình Cường	Hợp Đồng commune	1246	private	bamboo thread weaving	50										
ĐCN Đại Yên																
1	HKDCT Trần Hồng Quang	Đại Yên commune	3842	private	bamboo thread weaving	40										
2	HKDCT Nguyễn Đăng Hưng	Đại Yên commune	4643	private	carton package	70										
3	HKDCT Nguyễn Văn Đông	Đại Yên commune	4585	private	detergent	100										
ĐCN Lam Điền																
1	HKDCT Nguyễn Hồng Sơn	Lam Điền commune	15983	private	mechanic	68										
ĐCN Đông Sơn																
1	HKDCT Trần Văn Huy	Đông Sơn commune	11632	private	bamboo thread weaving	65										
2	HKDCT Nguyễn Đức Toàn	Đông Sơn commune	17754	private	bike accessories	150										
3	HKDCT Võ Hồng Thắng	Đông Sơn commune	4907	private	bamboo thread weaving	60										
4	Trần Văn Cường	Đông Sơn commune	5520	private	bamboo thread weaving, package	40										
5	Cty CP XNK Thăng Long	Đông Sơn commune	143686	Joint-stocked	tourism service	84										
ĐCN Đông Phú																
1	Nguyễn Văn Tâm	Đông Phú commune	1952	private	china	50										
ĐCN Tân Tiến																
1	HKDCT Nguyễn Trọng Tám	Tân Tiến commune	5000	private	construction materials	100										
2	Cty TNHH Phú Cường	Tân Tiến commune	18815	private	tourism service	50										
3	Cty TNHH Hoàng Long	Tân Tiến commune	20000	private	fibro-cement	200										
4	Cty CP XD và cơ khí Nam Sơn	Tân Tiến commune	10000	Joint-stocked	mechanic	100										
5	Cty TNHH Triệu Tuấn	Tân Tiến commune	12390	private	activated-carbon	37										
6	Cty CP sản xuất kinh doanh v à XNK THF	Tân Tiến commune	18290	Joint-stocked	household appliannces	92										

ĐCN Hoàng Văn Thụ																
1	Cty TNHH Cơ khí Hồng Hà	Thụ	41606	private	brick	140										
2	Sân golf Văn Sơn	Thụ	1923591		golf ground											
ĐCN Trần Phú																
1	Cty xăng dầu Hà Sơn Bình	commune	4000	private	oil, gasonline trading	12										
ĐCN Trường Yên																
1	Cty TNHH chế biến sữa và thực phẩm Hà Tây	Trường Yên commune	15160	private	milk, food	55										
2	DNTN Hùng Liên	commune	8573	private	food processing	35										
3	Cty TNHH Hoa Nam	commune	6915	private	bamboo thread weaving	100										
4	Cty TNHH TM Long Sơn Hùng	commune	3410	private	wood products	25										
5	XN mây tre xuất khẩu Thành Đồng	commune	3413	private	bamboo thread weaving	65										
6	Cty TNHHĐức Hiếu	commune	9424	private	food processing	45										
7	Cty TNHH mây tre Á Đông	commune	8512	private	bamboo thread weaving	100										
8	DN tư nhân mây tre Hưng Thịnh	commune	3003	private	bamboo thread weaving	70										
ĐCN Nam Phương Tiến																
1	Cty CP xi măng Sài Sơn	Tiến	16589	Joint-stocked	cement	230										
ĐCN Thủy Xuân Phương																
1	Cty CP Contrexim Thăng Long	Phương	8774	Joint-stocked	brick	22										
ĐCN Hữu Văn																
1	Cty xăng dầu Hà Sơn Bình		5541	private	oil, gasonline trading	11										
ĐCN Xuân Mai																
1	Cty TNHH Minh Hải		400	private	oil, gasonline trading	10										
2	Cty CP xây dựng và cây xanh Hà Đô		5000	Joint-stocked	supermarket	20										

Coliforms
(UFC/100ml)

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Dan Phuong

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Diện tích/Area (m2)	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS	
											(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)
CCN TT Phùng																
1	Cty CP tập đoàn tài chính SVA	14100			tole, aluminum roof											
2	Cty TNHH SX & TM Quyết Thắng	21345			inox products											
3	Cty TNHHĐT & TM Thuận Phát	9000			plastic											
4	Cty TNHH cơ kim khí Sơn Hà	41000			inox products											
5	Cty TNHHđiện Việt Nam	4500			electronic banner											
6	Cty CP TM dược phẩm Quốc Kỳ	4000			syrup medicine											
7	Cty TNHH kỹ thuật chính xác Ngọc Đức	15000			car, bike accessories											
8	Cty TNHH HàĐông Việt Nam	16000			gloves											
9	Cty CP ván dăm Đan Phượng	22000			recycled-wood											
10	Cty TNHH Tuyết Nga	9124			steel tube											
11	Cty TNHH Dược phẩm La Ta	10000			medicine, cosmetic											
12	Cty TNHH SX & XD Tến An	2500			mechanic											
13	Cty CP công nghệ bề mặt	2500			surfactant											
14	Cty TNHH sản xuất Việt Trung	3500			foot-wear											
15	Cty TNHH Nhất Trí Thành	5000			industrial facilities											
16	Cty TNHH công nghệ và TM Hà Sơn	4017			industrial plastic											
17	Cty CPĐT & PT công nghệ VietRus	8000.55														
18	Cty TV & TP công nghệ ADCom	5000														
19	Viện nghi ên cứu ngô	22179.33			corn											
20	Cty TNHH APS	12000														
21	Cty TNHH MTV thực phẩm ANCO	9000			food processing											
22	Cty TNHH máy CYFĐài Loan	14400			machine											
ĐCN Đan Phượng																
1	Cty CP thực phẩm (Foodexco)				food processing											
2	Cty hằng hải				fish sauce											
3	Cty TNHH SX & TM Minh Phá				garment											
4	Cty Hoàng Mai				wood products											
5	Cty TNHH Hùng Sơn				ready concrete											
6	HKDCT Nguyễn Văn Hiển				cattle, pounltry feed											
7	Cty TNHH Tền Phong				wood products											
8	HKDCT Nguyễn Như Mậu				garment											
9	HKDCT Tạ Kim Thành				wood products											
10	HKDCT Nguyễn Văn Sử				service trading											
11	HKDCT Bùi Văn Hùng				wood products											
12	HKDCT Bùi Văn Hằng				wood products											
13	HKDCT Chu Đức Sản				wood products											
14	HKDCT Nguyễn Tiến Thành				kraff package											
15	HKDCT Nguyễn Văn Tuấn				wood products											
16	Nguyễn Thu Hằng				paper											
17	HKDCT Bùi Anh Nhương				wood products											
18	HKDCT Bùi Văn Tú				wood products											
19	57 households in Triễu village															
ĐCN Sông Cùng																
1	Cty TNHH thiết bị nhiệt hơi Đức Dương	1290			mechanic											
2	Cty TNHH XD & SX rội thất Long Vũ	4950			wood products											
3	Cty CP dược Sao Băng	5078			medicine											
4	Cty TNHH Phi Thủy	1278			glass-noodle											
5	Cty TNHH Tất Thắng	2007			incense											
6	HKDCT Đào Văn Dũng	1773.3														
7	Cty TNHH Khải Minh	1927														
8	Cty CP dược phẩm Quốc Kỳ	3878			medicine											
9	Cty Hiếu Hưng	16640														

10	Cty Tứ Hồ	5034														

Coliforms
(UFC/100ml)

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Ha Dong

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Diện tích/Area (m2)	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
										(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/ 100ml)
CCN Yên Nghĩa																
1	Cty TNHH Mỹ Hưng	4000		textile												
2	Cty TNHH Lê lợi	13553		mechanic, glove-package												
3	Cty TNHH Tâm Tiến	3350		food processing, vegetable oil												
4	Cty CP bánh kẹo SBT	5040		candy and cake												
5	Cty TNHH Hồng Tiến	7000		bamboo thread products												
6	Cty nông sản thực phẩm HANOSA	3145		agri-food processing												
7	Cty TNHH công nghệ Nhật Minh	2000		computer												
8	Cty CP tập đoàn Phú Thái	12000		food processing												
9	Cty SX&TM Long Vân	3500		shrinked-stone												
10	Cty TNHH Kachi	10000		garment												
11	Cty TNHH SX&TM Hòa Hưng	10000		Kraff package												
12	Cty UR Chemical (sơn Thái Lan)	16600		paint												
13	Cty TNHH Việt Linh	6800		mechanic												
14	Cty CP môi trường đô thị Hà Đông	4900		truck parking												
15	Cty CP dụng cụ số 1	20000		mechanic products												
16	Cty CP công nghệ Hợp Nhất	3570		technical pattern												
17	Điện lực Hà Tây	10000		electric products store												
18	Cty TNHH xây dựng môi trường và lao động Hà Tây	152														
19	Cty sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên (Biti's)	115425		household appliannces												
20	Cty ô tô Việt Hùng	12675		car fixing												
21	Cty TNHH TM DV ô tô Trường Sơn	4065		car fixing												
22	Cty TNHH Hoàng Hà	4715		gagage, car fixing												
CCN Biên Giang																
1	Cty Rồng Vàng	5274		food processing												
2	Cty Hoàng Phương 1	4782		metals from ore												
3	Cty Ngọc Phúc	4533		handicraft												
4	Cty TNHH Văn Đạo	7260		Lubricant												
5	Cty TNHH SX-TM bao bì Minh Châu	5669		bike trading and its accessories												
6	Cty TNHH Huy Phát	3185		Carton package, print												
7	Cty TNHH Kiều An	897		machine assembly												
8	CSSX ống nhựa	4278		soft lastic tube												
9	Cty dệt Trí Nhân	14994		thread, textile												
10	Cty TNHH Tiến Động	24456		handicraft												
11	Cty Côn phanh Minh Ngọc	5155.2		bike accessories												
12	Cty TNHH Bảo Lâm	7812		handicraft												
13	Cty TNHH mỹ nghệ Đức Hồng	11090		handicraft												
14	CSSX gỗ mỹ nghệ - mùn hương	4960		handicraft												
15	Cty dệt may Hoàng Hà	3700		textile												
16	CSSX đồ nhựa Hùng Sơn	3847		PVC tube												
17	Hộ sản xuất Đoàn Viết Việt	2991		car fixing												
18	Cty TNHHĐồng Chí	2610		bamboo thread products												
19	Hộ sản xuất Nguyễn Văn Quý	1211		mechanic												
20	Hộ sản xuất Hoàng Văn Cầm	1158		mechanic												
21	Cty CP thương mại Song Linh	8642		food processing												
22	Cty TNHH SX & TM Việt Phương	7290		brush												
23	Hộ sản xuất Kiều Thị Trịnh	5454		seafood processing												
24	Cty TNHH SX & TM Vũ Quế	1993		inner tube, tyre												
25	Cty TNHH An Hưng	4564		electronic products												
26	Cty TNHHĐức Việt Hà Nội	7462		wood, plastic products												
27	Cty Giầy Hồng Phúc	5700		foot-wear												
28	Hộ sản xuất Nguyễn Văn Biên	2560		bike accessories, garment												
29	Cty thiết bị điện Hà Đông	4242		medicine, electric products												
30	Hộ sản xuất Phùng Thị Vân	13000		food, medicine												
31	Hộ sản xuất Đỗ Văn Duy	826		wash solution												

32	Hộ sản xuất Nguyễn Hữu Thọ	4438		garment													
33	Hộ sản xuất Đào Hồng Hùng	4356.4		carton package													
34	Hộ sản xuất Hàn Công Chẩn	4223.5		Tole													
35	Cty Ô tô Vạn Toàn	4342.8		car assembly													
36	Cty TNHH SX & TM ấu kiện xây dựng bê tông Thành Sơn	7299.2		ready concrete													
37	Cty TNHH Thái Dương	1141		handicraft													
38	CSCB quả tươi + trồng cây	2956		vegetable, plant													
39	Cty Phúc Thành	10918		ink, kraff package													
40	Cty CP ô tô 3	3478.5		car fixing													

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Hoang Mai

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Địa chỉ/ Location	Diện tích/Area (m2)	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS	
												(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)
CCN Hoàng Mai																	
1	Cty TNHH TM Tân Thái Sơn	Lô 01 - 3A	1000		private	car fixing											
2	Cty TNHH đầu tư TM&DV Hòa Bình	Lô 02 - 3A	1000		private	electronic products											
3	HTX Công nghiệp Tiến Bộ	Lô 03 - 3A	1000		Joint-stocked	print, paper											
4	Cty CPTM tài chính Sao Mai	Lô 04 - 3A	1000		Joint-stocked	wood products											
5	[illegible] lượng EVD	Lô 05 - 3A	1159		private	electronic products											
6	Cty TNHH thiết bị xăng dầu	Lô 06 - 3A	1156		private	oil, gasonline equipment											
7	DNTN Tiến Quân	Lô 07 - 3A	1156		private	water treatment facilities											
8	Cty TNHH Tiến Phú	Lô 08 - 3A	1171		private	bike accessories											
9	Cty TNHH TM vật tư Nam Hải	Lô 01 - 9A	1125.7		private	Inox, iron equipment											
10	Cty CP đầu tư XD & TM Quốc tế	Lô 02 - 9A	1133		Joint-stocked	grinder machine											
11	Cty CP ĐT&TM Phúc Tến	Lô 03 - 9A	1136.2		Joint-stocked	Steel Roof and its accessories											
12	Cty TNHH Xuân Vinh	Lô 04 - 9A	1138.3		private	wood products											
13	Cty TNHH TM Phong Phú	Lô 05 - 9A	1140.4		private	tapioca											
14	Cty TNHH thiết bị điện Vạn Xuân	Lô 06 - 9A	1132.7		private	electronic products											
15	DNTN ĐT & TM Bằng Kỳ Lâm	Lô 01 - 10A	1282		private	ice-cream											
16	DNTN Hoa Nam	Lô 02 - 10A	1285		private	plastic film, print											
17	Cty CP hóa chất Thiên Hà	Lô 03 - 10A	1286		Joint-stocked	Kraff package, print											
18	HTX XN hóa chất thiết bị DV vận tải	Lô 04 - 10A	1283		Joint-stocked	aluminum assembly											
19	Cty TNHH Hóa dệt	Lô 05 - 10A	1145		private	weave equipment, dying											
20	Cty TNHH Kỹ nồi hơi	Lô 03 - 10B	1145		private	Boiler, electric far											
21	HTX thủy sản Tâm Đức	Lô 02 - 10B	1069		Joint-stocked	seafood processing											
22	DNTN giặt là Tràng An	Lô 06 - 9B	1108.8		private	laundry service											
23	Cty CP Quan Đô	Lô 05 - 9B	1124.9		Joint-stocked	batteries											
24	Cty TNHH TM & DV Liên Hà	Lô 04 - 9B	1133.9		private	car mousse											
25	HTX CN Nhật Quang	Lô 03 - 9B	1142.8		Joint-stocked	plastic tube, garment											
26	Cty TNHH Sơn Dương	Lô 02 - 9B	1151.8		private	handicraft, food											
27	Cty TNHH đầu tư SX&TM Đức Việt	Lô 01 - 9B	1145.5		private	electronic products assembly											
28	Cty may thêu Thăng Long	Lô 01 - 8B	1200		private	foot-wear											
29	Cty TNHH vật liệu Minh Phúc	Lô 02 - 8B	1198.6		private	electronic products											
30	HTX CN Hoàng Anh	Lô 01 - 8A	957		Joint-stocked	paper											
31	HTX CN Thanh Tùng	Lô 02 - 8A	957		Joint-stocked	paper											
32	HTX CN Thành Hưng	02 - 4	983.5		Joint-stocked	paper											
33	DNTN dệt kim Long Giang	01 - 4	980.3		private	weave											
CCN Vĩnh Tuy																	
1	Cty TNHH Dianna					doors, windows					50.0	145	0	26	0		
2	Cty In Nam Minh																
3	Cty 3A										2.0	425	0	40	0	329	0
4	Cty TNHH Minh Tri										30.0	145	0	30	0		
5	Cty TNHH nhựa Hoàng Hà										30.0	60	0				
6	Cty TNHH Huy Vượng																
7	Cty cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa					mech refrigeration					20.0						
8	Cty TNHH Bảo Lâm					packaging					5.0						
9	Cty Quốc Anh																
10	Cty Kim Sơn										5.0						

11	Cty bao bì Hòa Bình										2.0	1,321	0	276	0		
12	Cty TNHH Sao Nam										2.0	355	0	29	0	82	0
13	Cty Tân Mỹ																
14	Cty SX&TM Sơn Minh					packaging					20.0	65	0				
15	HTX Công nghiệp Tiến Bộ																
16	Cty XD và gia cố nền móng (CEF)																
17	Cty Toàn Thắng																
18	Cty XD và cung ứng thiết bị kỹ thuật COMETCO (LICOGI)																
19	Cty CP In Hà Nội																

Coliforms
(UFC/100ml)
70,000
70,000
8,000
500,000

46,000
70000
145000

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Quoc Oai

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Diện tích/Area (m2)	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
											(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
CCN Yên Sơn																	
1	Cty CP Minh Sơn	22,489	2000	Joint-stocked	weave, garment	700											
2	Cty TNHH Minh Giang	10,504	2001	private	wood, steel products	150											
3	Cty CP đầu tư phát triển hạ tầng và XD Sông Đa	10,112.60	2001	Joint-stocked	Ready Mixed Concrete	50											
CCN Ngọc Liệp																	
1	Cty TNHH Phú Thắng	9814			metal equipment	250											
2	Cty TNHH Tân Hà II	8380			wood products	30											
3	Cty TNHH Tây Phương	8432			wood products	30											
4	Cty TNHH An Khang	8280			machenic	120											
5	Cty CP ĐT&XD Bưu Điện	34902			telecommunication facilities	30											
6	Cty TNHH Hải Vân	6490			electronic products	50											
7	Cty TNHH Duy Thịnh	7183			bike accessories, construction												
8	Cty XD Thăng Long	7357			machenic, construction	40											
9	Cty TNHH SENA Vietnan	2468.4			sanitary equipment	30											
10	Cty CP ĐT&XD HT&PTNT	9160			mix-concrete	30											
11	Cty Sông Đà 11	2609			mechanic	10											
CCN Quốc Oai																	
1	DNTN Tuấn Ngọc				mechanic	80											
2	Cty SX ô tô xe máy Hà Nội				car, bike assembly	50											
3	Công viên công nghệ thông tin AIT				Information Tech.												
4	Cty liên doanh Kenmec Vietnam				automatic machine												
5	Cty TNHH - TMĐại Phát				mechanic	30											
6	Cty may Hồ Gươm				garment	300											
7	Cty CP Phú Thịnh Sông Hồng Vinashin				wood processing												
8	Cty TNHH - TM Quốc Đạt				wood processing	10											
9	NXB Giáo dục				book, printed-paper												
10	Cty TNHH sản xuất Quang Vinh				industrial plastic	20											
11	Nhà máy thuốc lá Thăng Long				cigarette												
12	Cty Công nghệ hóa sinh Vietnam				bio-chemical products	15											
13	Cty CP đầu tư xây dựng nhà đất				glass, aluminum	50											
14	Cty TNHH Tấn Cường				kraff package	70											
15	Cty CP Liên Anh Thanh				garment												
16	Cty TNHH Tân Mỹ				mechanic	250											
17	Cty TNHH TM Thanh Tân				steel frame house	15											
18	Cty TNHH mỹ nghệ Mỹ Đức				wood processing	30											
19	Cty CP công nghệ BB				perfume paper	20											
20	DNTN Hồng Xuân				mechanic	150											
21	Cty TNHH Sơn Thắng				wood processing	10											
22	Cty CP ĐT XD TM Phương Hạnh				wood processing												
23	Cty CP TM và dịch vụ Địa chất				fresh water treatment plant	10											
24	Cty CP vật liệu viễn thông VPT				telecommunication material	30											
25	Cty CP Aquana Vietnam				composite	15											
26	Cty CP Đồng Phát				brush												

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Thach That

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Địa chỉ/ Location	Diện tích/Area (m2)	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
											(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
KCN Thạch Thất - Quốc Oai																	
1	DNTN Tuấn Ngọc				processing mechanical product for interior	60											
2	Cty SX ô tô xe máy Hà Nội				assembling automobile and motobike	110											
3	Công viên công nghệ ATI																
4	Cty liên doanh Kenmec VN				equipment treating waste water	10											
5	Cty TNHH TMĐại Phát				interior decoration	33											
6	Cty cổ phần may Hồ Gươm				clothing for export	242											
7	Cty cổ phần Phú Hậu Long Hưng Vinashin				refined wood product	160											
8	Cty TNHH TM Quốc Đạt				exterior decoration	8											
9	NXB giáo dục																
10	Cty TNHH SX Quanh Vinh				plastic												
11	NM thuốc lá Thăng Long				tobaco												
12	Cty cổ phần khai thác mỏ				microorganism mineral	13											
13	Cty công nghệ hóa sinh VN				chemical-biology product	50											
14	Cty CPđầu tư XD nhà đất				frame with aluminium and glass, interior decoration	96											
15	Cty TNHH Tấn Cường				packing												
16	Cty CP Liên Anh Thanh				clothing for export	103											
17	CTY TNHH Tân Mỹ				high quality mechanical product	435											
18	Cty TNHH TMĐức Linh				mechanical product for interior decoration	82											
19	Cty TNHH TM Thanh Tân				house - frame made by steel												
20	Cty TNHH mỹ nghệ Mỹ Đức				wood thing for interior and exterior decoration	23											
21	Cty CP công nghệ BB				fragrant paper	70											
22	DNTN Hồng Xuân				mechanical product	87											
23	Cty TNHH Sơn Thắng				wood thing	52											
24	Cty CPĐTXDTM Phương Hạnh				high - grade wood thing												
25	Cty CPXD Miền Tây				concrete												
26	Công ty cổ phần bia rượu nước giải khát Hà Nội (Habeco)				brewery	70											
27	Cty CP TM & DVĐịa Chất				building am supply water station	21											
CCN Thạch Thất - Quốc Oai																	
1	Cty CP Dệt Mùa Đông	Phùng Xá			weave, garment												
2	Cty CP mứt kẹo Hà Nội	Phùng Xá			food processing												
3	Cty CP thép HATACO	Phùng Xá			contruction materials, steel												
4	Cty TNHH Tajima Stell Vietnam	Phùng Xá			steel	70											
5	Cty TNHH Ferroli Indochina	Phùng Xá			electronic products	150											
6	Cty TNHH Yantin Chemicals	Phùng Xá			PCBs (chip)	150											
7	Cty TNHH Young Fast Optoelectronics Vietnam	Phùng Xá			LCD assembly	4000											
8	Cty TNHH thiết bị dạy nghề	Phùng Xá			teaching equipment												
9	Cty TNHH thương mại TBC	Phùng Xá			teaching equipment												
10	Cty TNHH Châu Á	Phùng Xá			car service	200											
11	Cty dịch vụ và thương mại địa chất	Phùng Xá			wastewater treatment plant construction	30											
12	Cty TNHH Meiko Việt Nam	Phùng Xá			electronic products	7000											
ĐCN Thạch Thất district																	
1	14 households	Bình Phú			wood products												
2	17 households	Đại Đồng			wood products												
3	11 households	Hương Ngải			wood products												
4	26 households	Dị Nậu			wood products												
5	200 households	Chàng Sơn			wood products												
6	360 metalware	Phùng Xá			metalware, plating												
CCN Bắc Phú Cát																	
1	Nhà máy đá ốp lát				advanced compound stone manufacturing					390 m3/month							
2	Doanh nghiệp tư nhân Minh Nguyệt				export tea processing					260.0							
3	Cty TNHH Hùng Hưng				motorbike fitting												
4	Cty CP Chế tác đá				export stone invention					250.0							
5	Cty Liên doanh Vicostone				advanced compound stone manufacturing					400.0							
6	Cty KimĐịnh				food service trading					350.0							
CCN Hòa Lạc																	

2. Inventories of industries within industrial estates - Thach That district, Hanoi

1	Cty TNHHĐiện tử Noble Việt Nam				high tech electrical fitting manufacturing					390.0							
2	Cty TNHHĐiện tử O-TECK VN				high tech electrical fitting manufacturing					200.0							
CCN Bình Phú																	
1	Cty TNHH Duy Tịnh				motobike fitting manufacturing					520.0							
2	Cty TNHH Mạnh Cường				furniture wood processing					30.0							
3	Cty TNHH Long Hưng				civil wood manufacturing					42.0							
4	Cty TNHH Tân Viên				civil wood manufacturing					45.0							
5	Cty TNHH Tuấn Tới				civil wood manufacturing					45.0							
6	Cty TNHH Hoàng Phát				civil wood manufacturing					50.0							
7	Cty TNHH Mạnh Quang				steel processing					50.0							
8	Cty TNHHĐa Liên				steel processing					55.0							
9	Cty TNHH Thép Việt				steel processing					55.0							

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Thanh Oai

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Diện tích/Area (m2)	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/ Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
											(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
CCN Thanh Oai																	
1	Cty CP Cơ khí CO MA 18				Tension Electric Pole manufacturin	128											
2	Cty CP NamĐô				car manufacturing and fitting, motorbike tradir	95											
3	Cty CP Long Mã				export garment	550											
4	DTNN Hoa Nam				Carton packing manufacturin	60											
5	Cơ sở chế biến dược liệu				Medicine manufacturin	50											
6	Cty TNHH Hùng Đông				High class interior and board manufacturin	120											
7	Cty đầu tư và phát triển đô thị số 3																
8	Cty VINACONEC 3																
9	Cty Bảo Long																
10	Cty TNHH Tùng Hiệp				Wood furniture manufacturing and Mechanical processing	125											
11	Cty CP Nhựa nhiệt dới				Plastic product manufacturing	10											
12	Chi nhánh Cao su Sài Gòn KYMDAN				Rubber mattress manufacturing	50											
13	Cty TNHH XNK Bảo Tuấn				mechanical Bolt and screw nut manufacturin	20											
14	Cty TNHH Cơ điện Đại Dương				Mechanical manufacturin	115											
15	Cty TNHH Hà Minl				Wood and construction material Manufacturing	50											
16	Cty TNHH giấy Phúc Đạt				paper manufacturing	115											
17	Cty TNHH XD công trình văn hóa Thăng Long				Wood manufacturing	145											
18	Cty CP SX đầu tư thương mại Hà Nội				Fruit wine manufacturin	100											
19	Cty TNHH Dược phẩm Tân Á				Medicine and healthy equiment manufacturi	70											
20	Cty CP Quang Trung				Beer manufacturing	85											
21	Cty TNHH Thực phẩm Yneshing				Food manufacturing	100											
22	Cty TNHH DONGKIN Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây				healthy equiment manufacturin	511											
23	Cty CP Thiết bị và chế biến thực phẩm Hoàng Gia				Food processing equipment manufacturing	105											
24	Cty TNHH Thận sâm - Trung Quốc				Car and motorbike component	100											
25	Cty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội				Cable, PVC pipe, mechenical product, concrete manufacturing	94											
26	Cty TNHH ITALIA																
CCN Bích Hòa																	
1	Cty May mặc DHA				Export textile manufacturing and tradir	800											
2	Chi nhánh cty TNHH Minh Tiến				Export pig meat processing	130											
3	Cơ sở sản xuất cơ khí Ngô Huy Khánh				Mechanical processing and manufacturin	138											
4	Cơ sở sản xuất các loại bàn ủi chế tạo sản phẩm cơ khí				Handle and mechanical manufacturing	60											
5	Cơ sở sản xuất kẹo Sô cô la Bỉ				Brussel chocolate candy manufacturing												
6	Xưởng chế biến nông sản				agricultural product processing	23											
CCN Bình Minh																	
1	Cty May Huy Ngọc				export garment	350											
2	Cty CP Cung ứng Sông Đà				Export Labor Tranining	1225											
ĐCN làng nghề Thanh Thùy																	
1	Đoàn Văn Bùi				Metal manufacturing	25											
2	Nguyễn Văn Hưng				Metal manufacturing	5											
3	Nguyễn Thị Hường				Metal manufacturing	5											
4	Lý Văn Năng				Metal manufacturing	4											
5	Nguyễn Văn Ý				Metal manufacturing	8											
6	Hoàng Minh Đăng				Metal manufacturing	10											
7	Tạ Quang Đăng				Metal manufacturing	30											
8	Nguyễn Văn Kỳ				Metal manufacturing	5											
9	Tạ Đình Mong				Metal manufacturing	15											
10	Nguyễn Văn Tuấn				Metal manufacturing	17											
11	Nguyễn Thị Mai				Metal manufacturing	4											
12	Nguyễn Mạnh Đoạt				Metal manufacturing	6											

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Thanh Tri

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Địa chỉ/ Location	Diện tích/Area (m2)	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
												(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	UFC/100ml)
CCN Ngọc Hồi											**403.9**							
1	Ban quản lý dự án các khu - cụm công nghiệp huyện Thanh Trì					Infrastructure company					50.0	53						
2	Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại cơ điện Hà Nội										5.0	86	0	37		62		
3	Công ty TNHH Thanh Phong										10.0							
4	Công ty TNHH Bao bì Việt Thắng										10.0	57		68				
5	Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	2-CN9				mechanic, metallic, electronic mold and electronic products	800		concentrated		64.0							
6	Công ty máy & tự động hóa Nam Đô	5-CN6				mechanic manufacturing	66		concentrated		2.0							
7	Cty may Hoàng Sơn	1-CN10				garment	120		concentrated		5.0							
8	Cty TNHH Thùy Anh	1-CN7				PE, PP package, compound	60		concentrated		15.0							
9	Cty CPTM Khang Vinh-Phong Phú	2-CN8				fibre, knit, garment manufacturing												
10	Cty cơ khí Ngô Gia Tự	CN2				mechanic	160		concentrated									
11	Cty Cổ phần Đồng Tháp	1-CN8				mechanic					0.6							
12	Cty TNHH bao bì Minh Hoàng	2-CN7				package processing and manufacturing	90		concentrated		7.0							
13	Cty TNHH Vanllaack ASIA	1-CN4				garment	489		concentrated		36.0							
14	Cty CP bao bì & in Nông Nghiệp	3-CN3				printing industry	165		concentrated		23.0							
15	Cty TM&PTCN Ngân Giang	4-CN6				optical mechanical, electronic, automation					4.0							
16	Cty TM Vân Sơn	6-CN6				mechanic, electromechanic tools assembling			concentrated		0.3							
17	Cty TNHH Ngọc Dần	4-CN3				metallic roofed, kinds of shaped steel	50		concentrated		16.0							
18	Cty TNHH TM Phúc Hưng	2-CN4				carton package manufacturing					4.0							
19	Cty CP Tập đoàn nhựa Đông Á	1-CN5				steel core PVC door processing	125		concentrated		11.0							
20	Cty TNHH Thanh Phong	1-CN3				Diesel engine assembling	120		concentrated		18.0							
21	Cty TNHH Năm Thái	3-CN6				verenitary medicine manufacturing					9.0							
22	Cty CPSX&TM Điện cơ HN	9-CN5				electric fan assembling and manufacturing	70		concentrated		9.0							
23	Cty CP Phát triển kỹ thuật công nghệ EDH	2-CN3				processing, assembling and manufacturing electric cabinet	42		concentrated		15.0							
24	Cty TNHH Thiên Hòa An	1-CN9				manufacturing and assembling construction machine, electric engine	52		concentrated		6.0							
25	Cty TNHH thép An Tĩnh	4-CN5				mechanic, steel composition					3.0							
26	Cty TNHH Phát triển công nghệ nhiệt lạnh & môi trường FTD	7-CN5				pressure devices, boiler manufacturing	66		concentrated		27.0							
27	Cty TNHH Vạn Phước	8-CN5				manufacturing and assembling multi rice cooker and water pump	85		concentrated		5.0							
28	Cty TNHH bao bì Việt Thắng	1-CN6				package printing	90		concentrated		7.0							
29	Cty TNHH SXTM&ĐT Anh Dũng	1-CN1				foodstuff for cattle	65		concentrated		3.0							
30	Cty CP Dược Phẩm Nam Hà	2-CN6				pharmaceutical	150		concentrated		3.0							
31	DNTN Tân Đại An	7-CN6				wood, decal					3.0							
32	Cty CP XNK Thành Công	2-CN5				motorbike parts, household electric assembling					1.0							
33	Cty CPXL & TM COMA 25	3-CN5				mechanic					2.0							
34	Cty SX & bao bì hàng XK	5-CN5				package and exported gooden furniture					8.0							
35	Cty CP In Hà Nội	6B-CN5				office devices					3.0							
36	Cty TNHH kỹ nghệ Quang Phổ	6A-CN5				mechanic	20		concentrated		2.0							
37	Cty TNHH XNK Phúc Hưng	6C-CN5				wood					10.0							
38	Cty TNHH ĐT & PT chăn nuôi Hà Thành	2-CN1				foodstuff for cattle	30				7.0							
ĐTTCN Cầu Bươu																		
1	Cty CP Cơ khí & Thương mại VIMECO					steel structure	150				4.0							
2	Cty CP Cơ Kim Khí Hà Nội					sewing needle, mechanic	60		concentrated		7.0							

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Thuong Tin

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Diện tích/ Area (m2)	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
									(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
KCN Phụng Hiệp (CCN Hà Bình Phương included)															
1	Cty TNHH sản xuất và thương mại Hải Long		safely glass	123											
2	Cty TNHH An Thịnh		electronic products	72											
3	Công ty CP Cơ khí và xây lắp Việt Nhật		telecommunication products	120											
4	Công ty CP Sản xuất và thương mại Việt Hàn LTP		stuffed cotton, kraff package	130											
5	Cty TNHH thương mại Hải Long		safely glass	210											
6	Cty CP sữa sức sống Việt Nam		nutrient food	100											
7	Cty CP thuốc thú y TW5		animal pharmaceutical products	88											
8	Cty CP Đạt Tường		Household appliances	147											
9	Cty TNHH thương mại Quốc tế Hoàn thiện		Aluminium plastic Panel	50											
10	Cty TV kỹ thuật vật tư và thiết bị đồng bộ		industrial facilities	93											
11	Cty CP Công nghiệp thực phẩm Vinh Anh		food processing machine	114											
12	Cty CP Xây lắp và cơ khí cầu đường		mechanic	154											
13	Cty CP tập đoàn CN Thiên Phú		electric cable	130											
14	Cty CP thương mại xuất nhập khẩu Tràng Tiền		ice-cream, Cereals processing	80											
15	Cty TNHH chế tạo máy biên áp điện lực Hà Nội		electronic products	70											
16	Cty TNHH kỹ thuật Đức Sơn		metal plated	81											
17	Cty TNHH một thành viên P - T		vegetable store	130											
18	Cty CP đầu tư xd TM KYCONS		steel products	74											
19	Cty TNHH Ngọc Phan		food processing machine	44											
20	Cty CP thương mại và công nghiệp ADH		Household appliances	120											
21	Cty TNHH ITV in và sx bao bìĐông Nam Á		print, kraff package	150											
22	Cty dược phẩm TW I		pharmaceutical products	300											
23	Cty CP thiết bị điện Thiên Phú		electronic products	100											
24	Cty CP cửa cuốn Úc Smart door		rolled door products	80											
25	Cty TNHH sản xuất & PT thương mại Việt Linh		mechanic	80											
26	Doanh nghiệp tư nhân Hải Đức		bike accessories	80											
27	Cty TNHH khoa học kỹ thuật CIG		electronic products	190											

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, district Tu Liem

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/Area (m^2)	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
CCN Từ Liêm				**45 ha**															
1	Nhà máy số 4 của Công ty TNHH NN MTV Kim khí Thăng Long						Metals			Cr(VI), Cr(III) Zn	> tenfold of permitted	45.0							
2	BQL dự án cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ huyện Từ Liêm						construct					300.0	99	0					
3	Công ty TNHH Cơ khí Tân Hòa						mechanic				> twofold of permitted	8.0							
4	Công ty TNHH Inox Hoàng Vũ						inox				> twofold of permitted standard	10.0	100						
5	Công ty TNHH SX và TM Hà Yến						mechanic												
6	Công ty TNHH cơ khí nhựa thành công						mechanic												
7	Công ty Cơ khí Công nông						mechanic												
8	Công ty cơ kim khí Hải hà						mechanic												
9	Công ty TNHH Hoàng Vũ						inox												
10	Công ty quốc tế Sơn hà						steel tube												
11	DN TN xí nghiệp cơ khí Phúc hưng						mechanic												
12	DN TN Trúc lâm						mechanic												
13	Công ty TNHH Nam phương						mechanic												
14	HTX Công nghiệp 8/3						mechanic												
15	Công ty CP Xây dựng Tây nam						mechanic												
16	Công ty cơ khí chính xác Thăng long						mechanic												
17	DN TN Duy Linh						mechanic												
18	Công ty TNHH trường xuân						mechanic												
19	Công ty xe đạp xe máy LIXEHA						mechanic												
20	Công ty TNHH Mỹ Việt						mechanic												
21	Công ty nội thất Đa Phúc						mechanic												
22	Công ty TNHH A Long						mechanic												
23	Công ty TNHH An Thương						mechanic												
24	Công ty TNHH Hiệp Hương						mechanic												
25	Công ty TNHH Sao Nam						mechanic												
26	Công ty TNHH Kim Long						mechanic												
27	Công ty thương mại Nam Hải						mechanic												
28	Công ty điện hoá Hà Sơn						mechanic												
29	Công ty TNHH Nam thái						mechanic												
30	Công ty xe đạp xe máy thống nhất						mechanic												
31	Công ty TNHH thương mại SENA						water pump												
32	Công ty cơ điện lạnh Bách khoa						food processing machine												
33	Công ty TNHH điện Hồng phúc						electronic cable												
34	Công ty phát triển công nghiệp điện AEC						electronic products												
35	Công ty cổ phần kỹ thuật điện tử SEEN						electronic measurement												
36	Công ty TNHH cáp điện Thái dương						electronic cable												
37	Công ty TNHH CN Long Phương						electronic												
38	Công ty TNHH VINASHIN						electronic												
39	Công ty TNHH Tân kỷ nguyên						electronic products												
40	Công ty TNHH hệ thống ứng dụng						electronic products												
41	Công ty TNHH Trà my						electronic products												
42	Công ty TNHH Phạm Minh						glass production												
43	Công ty TNHH Huy Thành						glass production												
44	Công ty kính Việt nam						glass production												
45	Công ty TNHH in bao bì Bảo tiến						packing printing												

46	Công ty bao bì Phú Hưng						packing printing												
47	Công ty TNHH in Hà nội						packing printing												
48	Công ty TNHH Long Đạt						printing												
49	Công ty XNK Ngọc ánh						packing printing												
50	Công ty quảng cáo Hà việt						advertisement printing												
51	Công ty tạo mẫu in bao bì Miền bắc						packing printing												
52	Công ty Công thương Nam hải						packing printing												
53	Công ty in cổ phần Cầu giấy						packing printing												
54	Công ty TNHH khăn giấy ăn Đông Hiệp						high quality tissue												
55	HTX Diễm Thuỷ						paper cutting												
56	Công ty in bao bì Kiều trang						paper												
57	Công ty Cổ phần may Thanh bình						garment												
58	Công ty dệt kim Hà nội						weaving, garment												
59	Công ty TNHH dệt may Hà nội						weaving, garment												
60	Công ty SX - XNK tổng hợp Hà nội						export cap manufacturing												
61	Công ty TNHH sơn KO VA						paint												
62	Công ty TNHH TM và DV Bảo lợi						paint												
63	Công ty TNHH đúc Bắc sơn						paint												
64	Công ty TNHH Hoà Phong						paint												
65	Công ty gỗ Việt						wood												
66	Công ty đầu tư Xây dựng Ba đình						civil wood												
67	Công ty TNHH Phong thanh						wood												
68	Công ty Cao su tháng 5						Rubber												
69	Công ty TNHH Nhựa Hưng thuận						plastic mechanic products												
70	HTX Quyết tiến						plastic												
71	Công ty TNHH Đức Đạt						plastic												
72	Công ty TNHH Hợp lực						plastic												
73	Công ty TNHH Minh Châu						high quality cake												
74	Công ty TNHH Lộc Xuân						rice grinding												
75	Công ty TNHH bánh kẹo Thủ Đô						candy and cake manufacturing												
76	Công ty TNHH- dược phẩm ĐÔNG A						pharmaceutical manufacturing												
77	Công ty TNHH Hoàng ứ						interior												
78	Công ty cổ phần mặt trời Vàng						domestic products												
79	Công ty vật liệu Công Nghệ						anti-thunder products												
80	Công ty khai thác nước ngầm I						water exploring												
81	Công ty cổ phần công nghệ sinh học						organic enzym												
82	Công ty thế giới Sơn mài						fine arts												
83	Công ty TNHH Huy Phát						processing												
84	Công ty TNHH SENTA						sanitary ware												
85	Công ty TNHH Hoàng Giang																		
KCN Nam Thăng Long																			
1	Công ty TNHH Readymix Vietnam						cement					60,0							
2	Giang Anh						carton package, plastic												
3	Minh Hòa						valve, mechanic accessories					15,0	160	0	52	0			75,000
4	In công đoàn						Store, printed papter												
5	Phúc Hà						PP-R plastic	91											
6	Socola Bĩ						chocolate	34				0,5	265		86		95		2,300,000
7	Trần Hồng Quân						Gas, gas tank												
8	Gốm sứ Toàn Quốc						pottery	37											
9	Dệt Nguyễn Quốc						textile, mechanic product												
10	TM Hà Dung						textile, mechanic product												
11	CP TM DV & SX Anh Đức						electronic product assembly												
12	CP sáng tạo PHP VN						household equipment assembly												

13	DNTN in Hà Phát						printing service												
14	Carbone VN						carbon brush												
15	Ngọn Lửa Thần						Gas, gas tank	62											
16	CP Hóa chất và thiết bị y tế Vĩnh An						textile, thread												
17	Sách HN						printed paper												
18	Công ty viễn thông quân đội Viettel						printer												
19	Điều kỳ diệu						sanitary napkin												
20	CP SX DV & TM Phát Linh						mechanic												
21	In và dịch vụ thương mại Phú Thịnh						printing												

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: Ha Noi-Ha Tay, out of Nhue-Day river basin

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Địa chỉ/ Location	Diện tích/Area (m2)	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Cách thức/Processing sản xuất	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
												(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
KCN Quanh Minh		**Mê Linh**																
1	Nhà máy kính an toàn (CTY XD số 70)					high-grade glass	40											
2	Cty TNHH Hòa Hưng					PP plastic packing	52											
3	Cty TNHH Tràng An					steel pipe and interior device and clothing workshop	63											
4	Cty CP nhà thépĐinh Lê					steel structure and tole	59											
5	Cty TNHH Phong Nam					packing and plastic product for industry	165											
6	Cty CP Picenza Việt nam					wood	285											
7	Cty CP SX & TM Phúc Tến - Vĩnh Phúc					building component made by steel and tole	79											
8	Cty TNHH thép MELIN					semi-finished steel product for automobile, motobike and food industry	99											
9	Cty CP LILAMA Hà Nội					processing and assembling industrial works, steel - plated, zinc-plated	232											
10	Cty TNHHđầu tư Tây Hồ Vĩnh Phúc					wattle wall, tole	72											
11	Cty CP LILAMA 3					steel structure and equipment for production	1278											
12	Cty CP Hải Việt					processing and packing sea-food product	10											
13	Cty CP Vật tư ngành nước VINACONEX					PPR and HDPE plastic pipe	52											
14	Cty cổ phần đầu tư và xây dựng HỮU HƯNG					precast concrete and mechanical product	84											
15	Mại GAS Hà Nội					liquefied petrolium gas	31											
16	Cty TNHH Nam Xương					metallurgy	50											
17	Cty TNHH công nghiệp ICDC					mechanical product	25											
18	Cty cổ phần GALAXY Việt Nam					paint wax-tree	64											
19	Trường					ceiling - frame	80											
20	DNTN xí nghiệp bao bì Công Minh					packing	110											
21	Cty TNHH công nghiệp STAR HAIR					artificial hair for export	297											
22	Cty CP tinh dầu và chất thơm					essential oil and medicine	41											
23	Thành						182											
24	Cty TNHH Khánh Chúc					wool clothing and wool fibre	70											
25	Cty cổ phần Sao Việt					wood	22											
26	Cty CP TATICO Việt Nam					product from plastic	95											
27	Cty CP Picenza Việt nam					ceramic brick	285											
28	Cty CP dược phẩm Sao Kim					pharmaceutical product và extracting Artermisinin	180											
29	Cty TNHH Quảng Phát Vĩnh Phúc					producing stone for export	112											
30	Đô Thị Và KCN IDICO (Nhà Máy					supply water plant	20											
31	Cty CP cơ khí Mê Linh					steel and cast iron rough draft	52											
32	Cty CP cao su AVI					tyre and tube of automobile	30											
33	Cty TNHH dược phẩm Phúc Hưng					producing Arteminisin and essential oil	80											
34	Cty TNHH dệt may Linh Phương					fibre	124											
35	Cty TNHH sợi dệt Vĩnh Phúc					fibre	320											
36	Cty TNHH TM Tương Kiều					industrial dust - filter equipmet	25											
37	Cty CP may BTM					weaving and clothing for export	276											
38	Cty cổ phần cơ điện lạnh ERESSON					mechanical product												
39	nghiệp (CIE)					equipment serving for construction	458											
40	EUROWINDOWS					plastic window	286											
41	Cty Cp cơ khí Hồ Gươm					Bimetal material and product from Bimetal, mechanical product	117											
42	Cty TNHH sợi Vĩnh Phát					fibre	247											
43	Thương Mại)					food processing	23											
44	và đào tạo quốc tế					print												
45	Dương					industrial equipment, steel structure	50											
46	Cty cổ phần LICOGI 13					Block brick	14											
47	Cty CP nội thất Châu Á					wood thing for interior and exterior decoration	90											
48	Phương Linh					ice - cream and food processing	57											

49	Cty thi công cơ giới 1					producing steel structure and repairing building equipment	55											
50	Cty TNHH Thuốc thú y Việt Nam					medicine for cattle and poultry												
51	Cty CP sợi dệt Vĩnh Phúc					weaving	168											
52	thương mại dịch vụ Linh Sơn					print	91											
53	GARMENT					clothing and washing	591											
54	Cty TNHH Ngân Giang thết bị điện G7					casting electric equipment	135											
55	Cty TNHH XNK MINH TUẤN					products from paper and print	60											
56	CTY TNHH THÉP VIỆT THANH					roll of steel, a part of casting mould	76											
57	KCN Quang Minh					carrying on business on money	53											
58	LEGROUP					equipment of motorbike	195											
59	Cty cổ phần SX và thương mại Tân Đức					plastic product and soundfroofing system	56											
60	Cty TNNN khóa Huy Hoàng					keys, souvernir present và mechanical product	18											
61	Cty TNHH Lê Việt					processing tea	38											
62	điện nước (COMA.EL)					raising equipment	128											
63	Cty cổ phần Thuận Hưng					Calcium carbonate	833											
64	Cty CP dụng cụ cơ khí xuất khẩu					devices for automobile and motorbike; inox product và mechanical product												
65	Phòng (ELINCO)					card												
66	Cty cổ phần đầu tư XD & PT THỦ ĐÔ					carton packing and print, paper packing	126											
67	Cty TNHH thương mại Kỹ thuật Hùng Toán Chính (HTC)					producing and assembling equipment of generator	46											
68	Cty TNHH Dương Nguyên					paint wax-tree	52											
69	Cty TNHH công trình giao thông Bình An					precast concrete and mixing concrete station	128											
70	Cty TNHH Việt Hà					steel	58											
71	Cty CP đầu tư XD Toàn Phát					handcraft product	63											
72	(VIT-CORPORATION)					CD, DVD disc	49											
73	Long					light equipment	152											
74	Tân Phong					interior wood thing	67											
75	Cty CP dược phẩm Hà Nội					pharmaceutical product												
76	Cty TNHH Bắc Thăng Long II					soundfroofing system and ventilation	6											
77	Cty CP Hưng Thuận Phát					mechanical product	54											
78	Dũng					processing mechanical product	36											
79	Cty CP Việt Nhật					devices for motorbike												
80	Cty TNHH M& H																	
81	Cty Cp Việt Thành					a part of mechanical product, steel, a part of clement product	45											
82	CTY CP DƯỢC PHẨM TW 2					pharmaceutical product	168											
83	CTY CP TM &ĐT HOÀNG GIA					food and beverage	70											
84	CTY TNHH TÂN THƯỜNG THÀNH					constructing devices	73											
85	CTY CỔ PHẦN WOODSLAND					wood processing	676											
86	CTY IN BAO BÌ HÀ NỘI					packing	200											
87	CTY CP THẺ THỐNG MINH MK					SIM card and phone card	176											
88	THÁI BÌNH DƯƠNG					machine and equipment manufacturing	78											
89	CTY TNHH KHO VẬN CHUYÊN NGHIỆP ETC					producing and assembling freez equipment	25											
90	THUẬT SỐ - DIREA					air condition and fridge	74											
91	CTY NHỰA HÀN QUỐC					plastic product	36											
92	CTY TNHH FIT - ACTIVE VIỆT NAM					plastic product	332											
93	CTY TNHH THƯƠNG MẠI ASIA																	
94	CTY TNHH GIAO NHẬN KHO VẬN (MERRY CARRIER)					warehouse for rent												
95	CTY TNHH KANAROO - VP					fibre	166											
96	CTY TNHH LOGITEM VIET NAM					warehouse for rent	26											
97	CTY CP CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI					plastic product	112											
98	CTY CỔ PHẦN V-TRAC					investing infrastructure	82											
99	CTY UNITED MOTOR VINH PHÚC					devices for automobile	116											
100	CTY TNHH COLD TECH VIỆT NAM						104											
101	CTY TNHH HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM					devices for automobile	88											
102	CTY TNHH INOAC VIỆT NAM					producing chair	1082											
103	DN CHẾ XUẤT MARUMITSU					wood thing and thing for interrior decoration												
104	CTY TNHH YUFU																	
105	CTY TNHH YUFON						170											

106	CTY TNHH NIDEC NISSIN VIỆT NAM					devices for print machine	669											
107	CTY TNHH CÔNG NGHỆ MUTO HÀ NỘI					apart of plastic and casting mould	986											
108	CTY ĐIỆN TỬ ASTI VIỆT NAM					assembling electronic devides and conducting - wire	10											
109	CTY TNHH NIHON ETTING VIỆT NAM					repairing mould devices												
110	CTY TNHH LINH KIỆN FLEXI VIỆT NAM						148											
111	CTY TNHH SƠN NIPPON VĨNH PHÚC					paint	139											
112	CTY TNHH CHUFUN					sale and assembling components of motorbike	213											
113	CTY TNHH TIẾP VẬN KINTETSU VIỆT NAM					warehouse sevices	116											
114	CTY TNHH LUNTAI INTERNATIONAL VN						109											
115	CTY TNHH CHẾ TẠO ĐỘNG CƠ ZONG SHEN					manufaturing engine for motorbike	589											
116	CTY TNHH KALOTEC VIỆT NAM					boarb for print machine												
117	CTY TNHH CÔNG NGHỆ DONG WON					reduce sound part	7											
118	CTY HÓA PHẨM THIÊN NÔNG II						11											
119	CTY TNHH HOKUYO PRECISION VIỆT NAM					mould and mould of electronic board	39											
120	CTY TNHH TERUMO VIỆT NAM					liquid transfusion equipment	374											
121	CTY TNHH TIẾN MẠNH						62											
122	CTY TNHH JPK PRECION HÀ NỘI					designing and assembling plastic mould	68											
123	CTY TNHH ABEISM VIỆT NAM					guiline technology document	227											
124	CTY TNHH KIM KHÍ THYSSENKRUPP VIỆT NAM						82											
KCN Thăng Long		**Dong Anh**																
1	Công ty TNHH KCN TL					trading infrastructure, consultants…	104											
2	Parker Processing VN					surfaces treatment, print, paint avoid corrosion	188				83,3							
3	Bút chì Mitsubishi					pencil export	217											
4	SD Việt Nam					electric wire & electronic cable	273				46,0							
5	Canon VN					printer	9946				540,0							
6	Volex VN					electrical conductivity products	275											
7	Sumitomo Bakelite VN					plastics chips	2593				1500,0							
8	Denso VN					car accessories	1430				91,0							
9	Toa VN					electronic products	115				23,0							
10	Santomas					mechanics products	471											
11	Toto VN					sanitary equipment products	1806				950,0							
12	Sakurai					transport facility	171				26,0							
13	Matsuo Industries VN					mechanics products for cars	810				77,0							
14	Fujikin VN					system control the flow exactly	344				92,0							
15	Vinacad					design houses, facilities	176				6,2							
16	Ohara Plastics VN					plastic pattern	174											
17	Tiếp vận Thăng Long					depot, import-export services, invest procedure												
18	Hanoi Steel Center					part exactly metal for branch electric industry, electromagnetic, cars, motorbikes	164											
19	SEED VN					stationery	63											
20	TOHO VN					design, manufacture, maintain pattern	147				15,0							
21	Kayaba					manufacture, assemble shock absorber for cars, motorbikes					150,0							
22	HAL VN					manufacture aluminium, aluminium casting, pattern for cars, motorbikes	530				8,0							
23	New Sytem VN					manufacture software, supply equipment network	25											
24	Panasonic Home Appliances VN					electronic products	361				1,1							
25	Kein Hing Muramoto VN					electronic, electromagnetic, sar, motorbikes industrial products	204											
26	Ryonan Electric VN					manufacture, process, assemble electric wire	161											
27	Chiyoda Integre VN					electronic, electromagnetic products	440											
28	YASUFUKU VN					manufacture components, parts of plastic, rubber for industrial cars, motobikes	100											
29	Tokyo Micro VN					manufacture, assemble engine (motor)	1354											
30	Kỹ thuật Fusione HN					design, develop hardware, software; design construction and architecture												
31	Bemac Panels Manufacturing VN					manufacture, install equipment, system electric for ship	184				20,0							

32	Sato VN					manufacture, process, assemble electromagnetic printers	282				36,0						
33	Daiwa Plastics Thăng Long					electromagnetic, cars, motorbikes products, sanitary equipments	806										
34	Hoya Glass Disk VN					computer (hard disk)	6226				4250,0						
35	Suncall Technology VN					electromagnetic products and information technology	963				37,0						
36	Fujipla Enginneering VN					plastic pattern	94				10,0						
37	Kanepackage VN					kraff plastic	242										
38	Kyoei Dietech VN					electromagnetic pattern	34										
39	Ikeuchi Việt Nam					sprayer	39				5,0						
40	JSW Plastics Mechinery VN					service maintain casting machine	5										
41	Sản xuất phụ tùng Yamaha Motor Việt Nam					motor products of cars, motobikes ang service maintain motobikes	1003				139,0						
42	Takara Tool & Die Hà Nội					exactly pattern product, process plastic and metal components	120										
43	Alpha Industries VN					electronic, electromagnetic products, industrial cars, motorbikes	95										
44	Kai Việt Nam					equipment beautiful	292										
45	Sumitomo Heavy Industries VN					industrial electric machine	605										
46	Asumitech VN					motorbike products	223				37,0						
47	SWCC Showa (Viet Nam)					printer, photocopy machine, electric wire	284										
48	Enplass Việt nam					televison screen	239				15,0						
49	Asahi Intec Hà Nội					stainless steel products	543										
50	Eiwo Rubber MFG					tuffseals of motobikes and gas holder	49				6,5						
51	Việt Nam Iritani					components and pattern for industries	560										
52	FCC Việt Nam					car accessories, specialized car	647				45,0						
53	Nissei Electric Hà Nội					technical assembly	2412				75,0						
54	Panasonic Communications					electronic, electromagnetic hightech products	2161				57,0						
55	Panasonic Electric devices					electromagnetic products	2589										
56	Nihon Denkei					electromagnetic measure equipments and maintain											
57	NSK VN					ball-bearing import of NSK group	12										
58	Inter Art Sai Gon					interior decoration products	4										
59	Fanuc Việt Nam					Equipment and systems automate											
60	Ogino VN					engine accessories	118										
61	Goshu Koshan					environmetal treatment facility	52										
62	Panasonic R& D Việt nam					electromagnetic products, digital technology design and develop software											
63	Phụ tùng xe máy, ô tô Machino					motorbike, car accessories	1561										
64	Nagatsu VN					construction machine	23										
65	Nitto Denko					chip	17										
66	A Mold VN					design pattern											
67	Netmarks VN Liability					consultant hadrware, supply software, design system computer											
68	TNHH Jtec HN					electromagnetic wire	47										
69	Enkei VN					wheel	257										
70	Molex VN					equipment connection	223										
71	Nippon Kouatsu Electric VN					system electric products, plastic products	49										
72	Công ty Hoev					glass surfaces for electromagnetic equipments	156										
73	MHI Aerospace					production, repair the wings metal components for commercial aircraft	50										
74	Aikawa Vietnam					components plastics pattern, exactly plastic	28										
75	Sumitronics VN					electromagnetic products	4										
76	Kuroda Electric VN					import-export											
77	Công ty CP dịch vụ số liệu toàn cầu					processed data center											
78	Hệ thống truyền tải và phân phối Toshiba (VN)					electronic products											
79	Panasonic VN					supply service for products company in VN	162										
80	Daiichi Kinzoku VN					steel equipments	5										
81	Công nghiệp KYB VN					manufacture, assemble shock absorber for cars, motorbikes	264										
82	Sanko Soken VN: DN chế xuất					electromagnetic products	8										
83	Tokyo Byokane VN					steel equipments											
84	Công ty TNHH Sumitomo HMCC Materials Handling (Việt nam)					components forklift truck											
KCN Nội Bài		Son Son															

85	Cong ty phát triển Nội Bài					trading infrastructure	51											
86	NCI Việt Nam					decal production	260				68,0							
87	sản phẩm thép VN					producing high quality steel tube	183				30,0							
88	Nhà thép tiền chế Zamil VN					produce prefabrication steel house frame, machine prefabrication steel	1133				180,0							
89	CP United Motor VN					motorbikes accessories	600				300,0							
90	Thiết bị & sản phẩm an toàn VN					helmet	170				15,0							
91	Amrrstrong VN					car accessories	171				300,0							
92	Nippo Mechatronics VN					electromagnetic products	518				50,0							
93	Kyoei VN					car accessories, electronic products	589				88,0							
94	Liên doanh VN - Công ty liên doanh dịch vụ vận tải hỗn hợp Việt - Nhật số 2					supply and transportation center	569											
95	Kỹ thuật công nghiệp Việt Nam					design, manufacture patterns												
96	Công nghiệp Credit up VN					car accessories	174				30,0	385	0	108	0	60	0	
97	Công nghiệp Broad Bright Sakura VN					car accessories	273				26,5	1,824	0	526	0			55,000
98	Kỹ thuật Yamazaki					car accessories	106				10,0							
99	Công nghiệp Kwang Yang					produce, process ceramic materials	10				10,0							
100	Asahi Denso					motorbikes accessories	72				10,0							
101	Công nghiệp Spindex Hà Nội					mechanical precision	160				100,0	72	0	23	0			
102	Japan Seidai Việt nam					rubber product for computer, electric, telecom, car, motorbikes	228				40,0							
103	Goko Spring Việt nam					electromagnetic instrucments	103				5,0							
104	Fujico Việt Nam					car accessories	57				8,0							
105	Rhythm Precision Việt Nam					pattern, electromagnetic products	230				26,0							
106	Toyoda Giken Việt nam					produce, process car accessories	52				70,0							
107	Summit Auto Alliance HN					car accessories	20				3,0							
108	Kein Hing Polychrome VN					car accessories	16											
109	Nippon Konpo Việt nam					printer, car accessories	35				1,0							
110	Honest VN					car accessories, transprotation, storage	44				3,0							
111	VN Leakless					transmission axis of car	159				13,0							
112	Kishiro VN					motorbikes, car accessories	166				190,0							
113	Chi nhánh công ty CP thépđặc biệt provision					accessories of electromagnetic products, automatic equipment in office	85											
114	Filtech VN					processing all kinds of pattern, pattern details and service of process heat	72											
115	Nippon Seiki					production rate meter, measure fuel	375											
116	Iki Cast Việt Nam					process metal	43											
117	Hsin Chi Precision Việt Nam					produce, repair pattern												
118	Công ty TNHH United Motor Việt Nam					motorbikes accessories, service maintain	4161				300,0	290	0	114	0	800	0	
119	TS Interseats VN					motor vihicle accessories	65											
120	TS Việt Nam					motor vihicle accessories	15				6,0							
121	Endo stails Steel VN					stainless steel products	90											
122	CN Vestal VN					trading real estate												
123	HONG MINH VN					pattern	315											
124	Sơn Eason Urai					paint, vecni for industry												
125	Hamagasu VN					seal, pattern, car and motorbike accessories	18											
126	CP tập đoàn địa ốc Viễn Đông					invest petrol station, car wash												
KCN SàiĐồng B		Gia Lam																
127	Orion - Hanel					lamp												
128	Điện tử Daewoo - hanel					television, fridge, electronic device	430				100,0							46,500
129	Kim loại Orion - Hà Nội					the parts of metal used in electronic industry	120											
130	Khuôn đúc Tsukuba					mould	308				100,0	95	0	34	0			10,500
131	Sumi - Hanel					conducting-wire system	2940				180,0	192	0	57	0			1,200,000
132	Pentax VN					optics device	1079				400,0							
133	Điện tử Hà Nội					cardboard packing	22				2000,0	645	0	224	0	95	0	5,500,000
134	Coông ty new Toyo Dynapac					aluminium- paper packing	349				45,0	12,240	0	3,600	0	90	0	45,000
135	Zuelling Pharma Pte.Ltd					warehouse service, import and deliver pharmaceutical product	1093											
136	New Hope Hà Nội					cattle food	195				25,0							10,500
137	Phúc Đầy					filtered water	14											
138	MEDICOS France (Emas Kiara)					cosmetic												
139	MSA - Hapro					clothing	1252				68,0	275	0	86	0			550,000
140	Discovery Diamonds					processing gold and gem stone	47											
141	Hitech					services using for syrinege product	35				6,3							
142	Wictor Vina					glue					1,0							

143	Biên Hòa					producing cake and candy	261				40,0	960	0	322	0	165	0	75,000
144	Hanel xốp nhựa					plastic	220				15,0	60						
145	Khí đốt Gia Định					gas	109				8,0							
146	Hanel điện tử					electronic product					23,0							
147	SIN-HANEL (đổi tên Zion)					plastic mould	88				8,0	100		32				23,000
148	Hải Tiến					learning equipment					3,0							
149	Máy tính Thế Trung					assembling CMS computer												
150	Công nghiệp cơ điện lạnh																	
151	Công ty TNHH Đại Bắc					chemistry - cosmetic	20											
KCN Hà Nội - Đài Tư		Gia Lam																
152	Công ty Xây dựng và Kinh doanh cơ sở Hạ tầng Khu công nghiệp Hà Nội–Đài Tư					construction						336	0	124	0			230,000
153	Ngôi sao VN					warranty center and present automobile	82				12,0	68	0	21	0			
154	Hệ thống CN VN					electric devices	47											
155	Hữu Toàn					producing and assembling generator	26				1,7							
156	Thép Chương Dương					steel structure	31											
157	Trường Hải					producing cask of truck, repairing and giving a warranty to automobile	110				50,0	244	0	70	0			75,000
158	Heiwa hygiene Hà Nội					roll of cotton, sanitary product, health devices, preliminary medicine, cosmetic	138				3,0	268	0	81	0			
159	Akeboto Kasaei VN					producing and assembling plastic products	68				0,5	220	0	66	0			
160	Malugo Việt Nam					paper and products from paper, products from plastic	16											
161	TNHH Le Xim					working machine for rent												
162	Ishigaki Rubber VN					products from plastic and rubber	24											
163	KEF VN					producing and assembling devices and product from plastic and rubber												
164	TNHH OSK Metal					a part of metal												
165	Ebara Udilyte VN					processing metal products	17											
166	CP may Sài Đồng					weaving and clothing product	201				2,5							
167	CP tư vấn thiết bị dầu khí Việt Nam					pouring gas	75				7,0							
168	CP XNK TM và chế biến thực phẩm Minh Hoa					ice-cream and cake and candy	60				10,0							
169	CP thép Thành Đạt					tole made by steel, steel	40				2,0							
170	CP thời trang Nem					clothing product and raw material of clothing industry												
171	Nakamura					processing metal products												
172	Sơn Dương Vàng					factory for rent, processing gold and gem stone	91											
173	Công ty CP thép Minh Phú					tole, steel												
174	Công ty TNHH H.I.Metals					belt made by metal												
175	Japan Industry (VN)					equipment for industry												
176	TSB apex Hà Nội					cable												
177	XNK tổng hợp Hà Nội																	
178	CP Tôn Hoa Sen																	
179	CP Container Trần Hưng Đạo						14				3,0							
180	Gỗ Figar						45				5,0							230,000

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
Cau Giay																			
CCN Cầu Giấy																			
1	Cty TNHH thiết bị điện AC	0903408800	Lô A1	723.6															
2	HTX dịch vụ Nhà nước và kinh doanh tổng hợp Dịch Vọng	0915327568	Lô A1D	634.3															
3	Cty Dược phẩm 3A	0913936266	Lô A1E	631															
4	Cty CP Hà Thanh		Lô A2A	656															
5	Cty CP thương mại và du lịch Hoàng Linh		Lô A2B	638															
6	Cty San Nam	0936515579	Lô A2F	914															
7	Cty TNHH TTC	0913203131	Lô B1A	815.4															
8	Cty TNHH Hải Hòa	0903416628	Lô B1D	720															
9	Cty TNHH Thương mại và đầu tư công nghệ	0903281711	Lô B1E	621															
10	Cty CP phát triển đầu tư FPT		Lô B2	1600															
11	Cty CP tập đoàn máy tính CMC	0903421008	Lô C1A	1200															
12	Cty CP tập đoàn đầu tư thương mại Việt Á	0903341369	Lô C1B	800															
13	Cty dược phẩm Đô Thành	0913520305	Lô C1C	538															
14	Cty CP đầu tư NCX Hà Nội	0913280994	Lô C1D	880															
15	Cty CP tập đoàn đầu tư tài chính Thái Bình	0913211044	Lô B1C	720															
16	Cty TNHH Tiền Phong	0903411415	Lô C2B	1300															
17	Cty CP TENLIN Vạn Hương	2	Lô C2C	573															
18	Cty TNHH VNT		Lô C2D	600															
19	HTX thương binh Ân Phú	0	Lô C2E	630															
20	Cty dịch vụ môi trường công nghiệp vận tải	0903231595	Lô C2F	639															
21	Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật		Lô A1C	648															
22	Cty CP Lập Thể	3	Lô C2K	449															
23	Cty điện tử tin học hóa chất Bộ Quốc phòng	0903417867	Lô B1F	675															
24	Cty thương mại đại phát	0	Lô A2C	456															
25	Cty công nghệ Biển Xanh	7	Lô A1K	280															
26	Cty CP Phượng Hoàng	9	Lô B2H	661															
27	Cty TNHH thương mại dịch vụ đầu tư Phát Triển		Lô A2E	451															
28	Cty Việt Mai	4	Lô A1F	424															
29	Cty TNHH thương mại kỹ thuật Việt Hải	0913214884	Lô C2H	448															
30	Cty máy tính truyền thông Hồng Nam	0903406669	Lô A1H																
31	Cty TNHH Hợp Nhất	8	Lô A1H	387.56															
32	Cty TNHH Hoàng Đạo	1	Lô B1B	500															
33	Cty CP TVKT-KT Việt Nam	6	Lô C2A	415															
34	Cty TNHH công nghệ thông tin ISA	0902204466	Lô A1B	524.14															
35	Cty CP đầu tư phát triển công nghệ điện tử Viễn Thông	0912388888	Lô B1K	497															
36	Cty CP Hương Giang		Lô C2L	290															
Chuong My																			
KCN Phú Nghĩa																			

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
1	Cty mây tre Chúc Sơn						bamboo thread weaving	30											
2	Cty mây tre Hà Linh						bamboo thread weaving	19											
3	Cty sông Đà 9						car fixing, mechanic	125											
4	Cty liên doanh Tiger Lily						handicraft	50											
5	Cty TNHH & TM Hưng Thịnh						handicraft	26											
6	Cty TNHH cao su Minh Thành						rubber, plastic products	57											
7	Cty CP XNK Hà Tây							27											
8	Cty TNHH Đoàn Kết 1						bamboo thread weaving	115											
9	DNTN Thanh Tuấn						bamboo thread weaving	55											
10	Cty TNHH Thế Giới Sơn Mài						pottery, pearl inlaid products	225											
11	Cty TNHH Tuấn Quang						pottery, pearl inlaid products	102											
12	Cty TNHH Nhật Thắng						handicraft	28											
13	Cty TNhh vật liệu đặc biệt Giai Đức						bike, car accessories	282											
14	Cty TNHH Văn Đạo						lubricant	20											
15	Trường đào tạo nghề VN-Korea							62											
16	Cty TNHH Hà Huy						wheat powder												
17	Cty TNHH EH Hà Tây						cattle, poultry feed	87											
18	Cty TNHH Tự Lực						paper												
19	Cty TNHH đồ chơi trẻ em Chee Wah						toys	1699											
20	Starlight						sport clothes												
21	Cty TNHH thời trang Star						sport clothes												
22	Cty TNHH chăn nuôi CP Việt Nam						food processing												
23	Cty TNHH công nghiệp Vũ Dương						bike, car accessories												
24	Cty TNHH công nghiệp Việt Chin						bike, car accessories	98											
25	Thụy Điển						beverage	16											
26	Cty TNHH Doojung Việt Nam						beauty care tools												
27	Cty TNHH Ngọc Long						paint												
28	Cty TNHH Sunjin						cattle, poultry feed												
29	Viện cơ khí năng lượng và mỏ						Metal ore processing												
30	Cty TNHH xây dựng XNK Hà Lâm						wood products												
31	Cty thiết bị điện công nghiệp Hà Nội						electronic products												
32	Cty TNHH Toyo Electric Control Việt Nam						electronic products												
33	Cty cơ khí chính xác số 1						bike, car accessories												
34	Cty TNHH thảo dược Phúc Thái						medicine												
CCN Phụng Châu																			
1	Hộ kinh doanh cá thể Trần Văn Luật		Phụng Châu	2064		private	brake	20											
2	HKDCT Nguyễn Thị Ngọc Hạnh		Phụng Châu	3710		private	electronic product	30											
3	HKDCT Lê Văn Đức		Phụng Châu	4522		private	garment	40											
4	HKDCT Hà Chí Quân		Phụng Châu	2264		private	inner tube, tyre	40											
5	HKDCT Đinh Thị Dung		Phụng Châu	3016		private	PVC tube	20											
6	HKDCT Nguyễn Thị Dung		Phụng Châu	2060		private	industrial	30											
7	HKDCT Nguyễn Sơn Hùng		Phụng Châu	3402		private	electronic cable	30											
CCN Tiên Phương																			

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
1	HKDCT Nguyễn Danh Hùng		Tiên Phương	16861		private	bamboo thread weaving	65											
2	HKDCT Nguyễn Bá Bình		Tiên Phương	10932		private	car fixing	30											
3	HKDCT Tống Văn Thiết		Tiên Phương	5869		private	bamboo thread weaving	80											
4	HKDCT Nguyễn Danh Tôn		Tiên Phương	9735		private	bamboo thread weaving	110											
5	HKDCT Tống Bá Thảo		Tiên Phương	9484		private	bamboo thread weaving	120											
6	HKDCT Nguyễn Văn Quý		Tiên Phương	4944		private	bamboo thread weaving	80											
CCN Đông Phương Yên																			
1	Tổ hợp tác Lệ Tùng		Đông Phương Yên	4570		private	bamboo thread weaving	50											
2	HKDCT Trần Thị Đóa		Đông Phương Yên	1432		private	bamboo thread weaving	30											
3	HKDCT Nguyễn Trọng Lạc		Đông Phương Yên	398		private	food processing	8											
CCN Ngọc Hòa																			
1	HKDCT Lê Thị Vân		Ngọc Hòa	3457		private	wood products	15											
2	HKDCT Đào Bá Chính		Ngọc Hòa	790		private	wood products	10											
3	HKDCT Trịnh Duy Chiểu		Ngọc Hòa	3373		private	PVC tube	20											
4	HKDCT Lê Tuấn Kế		Ngọc Hòa	1964		private	material plastic beads	10											
5	HKDCT Nguyễn Thị Thu		Ngọc Hòa	3199		private	car fixing	20											
6	Cty TNHH Văn Minh		Ngọc Hòa	62659		private	china	250											
7	Cty TNHH Vĩnh Thành		Ngọc Hòa	14584		private	garment	30											
CCN thị trấn Chúc Sơn																			
1	HKDCT Nguyễn Thị Phương			8358		private	bamboo thread weaving	300											
2	HKDCT Bùi Hồng Minh			10122		private	mechanical product	72											
3	HKDCT Bùi Mạnh Toàn			11648		private	food processing	140											
4	HKDCT Nguyễn Khắc Tuyển			2496		private	stopper from wood, plastic, metal…	30											
5	HKDCT Hoàng Đức Dũng			12282		private	sole of shoe	95											
6	HKDCT Phùng Văn Tiến			6818		private	sole of shoe	20											
7	HKDCT Ngô Văn Ngọc			527		private	technical assembly	12											
8	HKDCT Nguyễn Hữu Hùng			2084		private	food processing	30											
9	HKDCT Võ Văn Hòa			5873		private	technical pattern	50											
10	HKDCT Đào Quang Hoạt			1944		private	mechanical product	61											
11	HKDCT Nguyễn Đình Sáo			5000		private	wood products	30											
12	Xí nghiệp MTĐ Ngọc Sơn			8304		private	bamboo thread weaving	140											
13	Cty TNHH bao bì Ngọc Thúy			10654		private	carton package	58											
14	Cty TNHH vải sợi Khúc Tân			5707		private	garment	100											
15	Cty kinh doanh vật tư và xây dựng			8985		private	Ready Mixed Concrete	210											
16	Cty Tân Trường An			5000		private	wood products	73											
17	Cty CP PTC			3000		Joint-stocked	foot-wear	60											
18	Cty TNHH SXKD thể thao			3000		private	sport equipment	150											
19	Cty TNHH quốc tế Trường Sơn			6003		private	gear	40											
20	Cty TNHH An Quý Hưng			8551		private	Ready Mixed Concrete	40											
21	Cty CP công nghiệp giấy Ngọc Việt			2663		private	paper, print	50											
22	Cty TNHH Huy Độ			2663		private	mechanical product	90											
ĐCN Hợp Đồng																			
1	HKDCT Đặng Đình Cường		Hợp Đồng commune	1246		private	bamboo thread weaving	50											
ĐCN Đại Yên																			

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
1	HKDCT Trần Hồng Quang		Đại Yên commune	3842		private	bamboo thread weaving	40											
2	HKDCT Nguyễn Đăng Hưng		Đại Yên commune	4643		private	carton package	70											
3	HKDCT Nguyễn Văn Đông		Đại Yên commune	4585		private	detergent	100											
ĐCN Lam Điền																			
1	HKDCT Nguyễn Hồng Sơn		Lam Điền commune	15983		private	mechanic	68											
ĐCN Đông Sơn																			
1	HKDCT Trần Văn Huy		Đông Sơn commune	11632		private	bamboo thread weaving	65											
2	HKDCT Nguyễn Đức Toàn		Đông Sơn commune	17754		private	bike accessories	150											
3	HKDCT Võ Hồng Thắng		Đông Sơn commune	4907		private	bamboo thread weaving	60											
4	Trần Văn Cường		Đông Sơn commune	5520		private	bamboo thread weaving, package	40											
5	Cty CP XNK Thăng Long		Đông Sơn commune	143686		Joint-stocked	tourism service	84											
ĐCN Đông Phú																			
1	Nguyễn Văn Tâm		Đông Phú commune	1952		private	china	50											
ĐCN Tân Tiến																			
1	HKDCT Nguyễn Trọng Tám		Tân Tiến commune	5000		private	construction materials	100											
2	Cty TNHH Phú Cường		Tân Tiến commune	18815		private	tourism service	50											
3	Cty TNHH Hoàng Long		Tân Tiến commune	20000		private	fibro-cement	200											
4	Cty CP XD và cơ khí Nam Sơn		Tân Tiến commune	10000		Joint-stocked	mechanic	100											
5	Cty TNHH Triệu Tuấn		Tân Tiến commune	12390		private	activated-carbon	37											
6	Cty CP sản xuất kinh doanh và XNK THF		Tân Tiến commune	18290		Joint-stocked	household appliannces	92											
ĐCN Hoàng Văn Thụ																			
1	Cty TNHH Cơ khí Hồng Hà		Hoàng Văn Thụ	41606		private	brick	140											
2	Sân golf Văn Sơn		Hoàng Văn Thụ	1923591			golf ground												
ĐCN Trần Phú																			
1	Cty xăng dầu Hà Sơn Bình		Trần Phú commune	4000		private	oil, gasonline trading	12											
ĐCN Trường Yên																			
1	Cty TNHH chế biến sữa và thực phẩm Hà Tây		Trường Yên	15160		private	milk, food	55											
2	DNTN Hùng Liên		Trường Yên	8573		private	food processing	35											
3	Cty TNHH Hoa Nam		Trường Yên	6915		private	bamboo thread weaving	100											
4	Cty TNHH TM Long Sơn Hùng		Trường Yên	3410		private	wood products	25											
5	XN mây tre xuất khẩu Thành Đồng		Trường Yên	3413		private	bamboo thread weaving	65											
6	Cty TNHH Đức Hiếu		Trường Yên	9424		private	food processing	45											
7	Cty TNHH mây tre Á Đông		Trường Yên	8512		private	bamboo thread weaving	100											
8	DN tư nhân mây tre Hưng Thịnh		Trường Yên	3003		private	bamboo thread weaving	70											
ĐCN Nam Phương Tiến																			
1	Cty CP xi măng Sài Sơn		Nam Phương Tiến	16589		Joint-stocked	cement	230											
ĐCN Thủy Xuân Phương																			
1	Cty CP Contrexim Thăng Long		Thủy Xuân Phương	8774		Joint-stocked	brick	22											
ĐCN Hữu Vân																			
1	Cty xăng dầu Hà Sơn Bình			5541		private	oil, gasonline trading	11											

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
ĐCN Xuân Mai																			
1	Cty TNHH Minh Hải			400		private	oil, gasonline trading	10											
2	Cty CP xây dựng và cây xanh Hà Đô			5000		Joint-stocked	supermarket	20											
Dan Phuong																			
CCN TT Phùng																			
1	Cty CP tập đoàn tài chính SVA			14100			tole, aluminum roof												
2	Cty TNHH SX & TM Quyết Thắng			21345			inox products												
3	Cty TNHH ĐT & TM Thuận Phát			9000			plastic												
4	Cty TNHH cơ kim khí Sơn Hà			41000			inox products												
5	Cty TNHH điện Việt Nam			4500			electronic banner												
6	Cty CP TM dược phẩm Quốc Kỳ			4000			syrup medicine												
7	Cty TNHH kỹ thuật chính xác Ngọc Đức			15000			car, bike accessories												
8	Cty TNHH Hà Đông Việt Nam			16000			gloves												
9	Cty CP ván dăm Đan Phượng			22000			recycled-wood												
10	Cty TNHH Tuyết Nga			9124			steel tube												
11	Cty TNHH Dược phẩm La Ta			10000			medicine, cosmetic												
12	Cty TNHH SX & XD Tiến An			2500			mechanic												
13	Cty CP công nghệ bề mặt			2500			surfactant												
14	Cty TNHH sản xuất Việt Trung			3500			foot-wear												
15	Cty TNHH Nhất Trí Thành			5000			industrial facilities												
16	Cty TNHH công nghệ và TM Hà Sơn			4017			industrial plastic												
17	Cty CP ĐT & PT công nghệ VietRus			8000.55															
18	Cty TV & TP công nghệ ADCom			5000															
19	Viện nghiên cứu ngô			22179.33			corn												
20	Cty TNHH APS			12000															
21	Cty TNHH MTV thực phẩm ANCO			9000			food processing												
22	Cty TNHH máy CYF Đài Loan			14400			machine												
ĐCN Đan Phượng																			
1	Cty CP xuất khẩu thực phẩm (Foodexco)						food processing												
2	Cty hằng hải						fish sauce												
3	Cty TNHH SX & TM Minh Phát						garment												
4	Cty Hoàng Mai						wood products												
5	Cty TNHH Hùng Sơn						ready concrete												
6	HKDCT Nguyễn Văn Hiển						cattle, pounltry feed												
7	Cty TNHH Tiền Phong						wood products												
8	HKDCT Nguyễn Như Mậu						garment												
9	HKDCT Tạ Kim Thành						wood products												
10	HKDCT Nguyễn Văn Sử						service trading												
11	HKDCT Bùi Văn Hùng						wood products												
12	HKDCT Bùi Văn Hằng						wood products												
13	HKDCT Chu Đức Sản						wood products												
14	HKDCT Nguyễn Tiến Thành						kraff package												
15	HKDCT Nguyễn Văn Tuấn						wood products												
16	Nguyễn Thu Hằng						paper												
17	HKDCT Bùi Anh Nhương						wood products												

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
18	HKDCT Bùi Văn Tú						wood products												
19	57 households in Triễu village																		
ĐCN Sông Cùng																			
1	Cty TNHH thiết bị nhiệt hơi Đức Dương			1290			mechanic												
2	Cty TNHH XD & SX nội thất Long Vũ			4950			wood products												
3	Cty CP dược Sao Băng			5078			medicine												
4	Cty TNHH Phi Thủy			1278			glass-noodle												
5	Cty TNHH Tất Thắng			2007			incense												
6	HKDCT Đào Văn Dũng			1773.3															
7	Cty TNHH Khải Minh			1927															
8	Cty CP dược phẩm Quốc Kỳ			3878			medicine												
9	Cty Hiếu Hưng			16640															
10	Cty Tứ Hồ			5034															
Ha Dong																			
CCN Yên Nghĩa																			
1	Cty TNHH Mỹ Hưng			4000			textile												
2	Cty TNHH Lê Lợi			13553			mechanic, glove-package												
3	Cty TNHH Tâm Tiến			3350			food processing, vegetable oil												
4	Cty CP bánh kẹo SBT			5040			candy and cake												
5	Cty TNHH Hồng Tiến			7000			bamboo thread products												
6	Cty nông sản thực phẩm HANOSA			3145			agri-food processing												
7	Cty TNHH công nghệ Nhật Minh			2000			computer												
8	Cty CP tập đoàn Phú Thái			12000			food processing												
9	Cty SX&TM Long Vân			3500			shrinked-stone												
10	Cty TNHH Kachi			10000			garment												
11	Cty TNHH SX&TM Hòa Hưng			10000			Kraff package												
12	Cty UR Chemical (sơn Thái Lan)			16600			paint												
13	Cty TNHH Việt Linh			6800			mechanic												
14	Cty CP môi trường đô thị Hà Đông			4900			truck parking												
15	Cty CP dụng cụ số 1			20000			mechanic products												
16	Cty CP công nghệ Hợp Nhất			3570			technical pattern												
17	Điện lực Hà Tây			10000			electric products store												
18	Cty TNHH xây dựng môi trường và lao động Hà Tây			152															
19	Cty sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên (Biti's)			115425			household appliannces												
20	Cty ô tô Việt Hùng			12675			car fixing												
21	Cty TNHH TM DV ô tô Trường Sơn			4065			car fixing												
22	Cty TNHH Hoàng Hà			4715			gagage, car fixing												
CCN Biên Giang																			
1	Cty Rồng Vàng			5274			food processing												
2	Cty Hoàng Phương 1			4782			metals from ore												
3	Cty Ngọc Phúc			4533			handicraft												
4	Cty TNHH Văn Đạo			7260			Lubricant												

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
5	Cty TNHH SX-TM bao bì Minh Châu			5669			bike trading and its accessories												
6	Cty TNHH Huy Phát			3185			Carton package, print												
7	Cty TNHH Kiều An			897			machine assembly												
8	CSSX ống nhựa			4278			soft lastic tube												
9	Cty dệt Trí Nhân			14994			thread, textile												
10	Cty TNHH Tiến Động			24456			handicraft												
11	Cty Côn phanh Minh Ngọc			5155.2			bike accessories												
12	Cty TNHH Bảo Lâm			7812			handicraft												
13	Cty TNHH mỹ nghệ Đức Hồng			11090			handicraft												
14	CSSX gỗ mỹ nghệ - mùn hương			4960			handicraft												
15	Cty dệt may Hoàng Hà			3700			textile												
16	CSSX đồ nhựa Hùng Sơn			3847			PVC tube												
17	Hộ sản xuất Đoàn Viết Việt			2991			car fixing												
18	Cty TNHH Đồng Chí			2610			bamboo thread products												
19	Hộ sản xuất Nguyễn Văn Quý			1211			mechanic												
20	Hộ sản xuất Hoàng Văn Cầm			1158			mechanic												
21	Cty CP thương mại Song Linh			8642			food processing												
22	Cty TNHH SX & TM Việt Phương			7290			brush												
23	Hộ sản xuất Kiều Thị Trịnh			5454			seafood processing												
24	Cty TNHH SX & TM Vũ Quế			1993			inner tube, tyre												
25	Cty TNHH An Hưng			4564			electronic products												
26	Cty TNHH Đức Việt Hà Nội			7462			wood, plastic products												
27	Cty Giầy Hồng Phúc			5700			foot-wear												
28	Hộ sản xuất Nguyễn Văn Biên			2560			bike accessories, garment												
29	Cty thiết bị điện Hà Đông			4242			medicine, electric products												
30	Hộ sản xuất Phùng Thị Vân			13000			food, medicine												
31	Hộ sản xuất Đỗ Văn Duy			826			wash solution												
32	Hộ sản xuất Nguyễn Hữu Thọ			4438			garment												
33	Hộ sản xuất Đào Hồng Hùng			4356.4			carton package												
34	Hộ sản xuất Hàn Công Chẩn			4223.5			Tole												
35	Cty Ô tô Vạn Toàn			4342.8			car assembly												
36	Cty TNHH SX & TM của hợp tác xây dựng bê tông Thành Sơn			7299.2			ready concrete												
37	Cty TNHH Thái Dương			1141			handicraft												
38	CSCB quả tươi + trồng cây			2956			vegetable, plant												
39	Cty Phúc Thành			10918			ink, kraff package												
40	Cty CP ô tô 3			3478.5			car fixing												
Hoang Mai																			
CCN Hoàng Mai																			
1	Cty TNHH TM Tân Thái Sơn		Lô 01 - 3A	1000		private	car fixing												
2	Cty TNHH đầu tư TM&DV Hòa Bình		Lô 02 - 3A	1000		private	electronic products												
3	HTX Công nghiệp Tiến Bộ		Lô 03 - 3A	1000		Joint-stocked	print, paper												
4	Cty CPTM tài chính Sao Mai		Lô 04 - 3A	1000		Joint-stocked	wood products												
5	Cty TNHH thiết bị và phát triển chất lượng EVD		Lô 05 - 3A	1159		private	electronic products												
6	Cty TNHH thiết bị xăng dầu		Lô 06 - 3A	1156		private	oil, gasonline equipment												
7	DNTN Tiến Quân		Lô 07 - 3A	1156		private	water treatment facilities												
8	Cty TNHH Tiến Phú		Lô 08 - 3A	1171		private	bike accessories												
9	Cty TNHH TM vật tư Nam Hải		Lô 01 - 9A	1125.7		private	Inox, iron equipment												

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
10	Cty CP đầu tư XD & TM Quốc tế		Lô 02 - 9A	1133		Joint-stocked	grinder machine												
11	Cty CP ĐT&TM Phúc Tiến		Lô 03 - 9A	1136.2		Joint-stocked	Steel Roof and its accessories												
12	Cty TNHH Xuân Vinh		Lô 04 - 9A	1138.3		private	wood products												
13	Cty TNHH TM Phong Phú		Lô 05 - 9A	1140.4		private	tapioca												
14	Cty TNHH thiết bị điện Vạn Xuân		Lô 06 - 9A	1132.7		private	electronic products												
15	DNTN ĐT & TM Băng Kỷ Lâm		Lô 01 - 10A	1282		private	ice-cream												
16	DNTN Hoa Nam		Lô 02 - 10A	1285		private	plastic film, print												
17	Cty CP hóa chất Thiên Hà		Lô 03 - 10A	1286		Joint-stocked	Kraff package, print												
18	HTX XN hóa chất thiết bị DV vận tải		Lô 04 - 10A	1283		Joint-stocked	aluminum assembly												
19	Cty TNHH Hóa dệt		Lô 05 - 10A	1145		private	weave equipment, dying												
20	Cty TNHH Kỹ nồi hơi		Lô 03 - 10B	1145		private	Boiler, electric fan												
21	HTX thủy sản Tâm Đức		Lô 02 - 10B	1069		Joint-stocked	seafood processing												
22	DNTN giặt là Tràng An		Lô 06 - 9B	1108.8		private	laundry service												
23	Cty CP Quan Đô		Lô 05 - 9B	1124.9		Joint-stocked	batteries												
24	Cty TNHH TM & DV Liên Hà		Lô 04 - 9B	1133.9		private	car mousse												
25	HTX CN Nhật Quang		Lô 03 - 9B	1142.8		Joint-stocked	plastic tube, garment												
26	Cty TNHH Sơn Dương		Lô 02 - 9B	1151.8		private	handicraft, food												
27	Cty TNHH đầu tư SX&TM Đức Việt		Lô 01 - 9B	1145.5		private	electronic products assembly												
28	Cty may thêu Thăng Long		Lô 01 - 8B	1200		private	foot-wear												
29	Cty TNHH vật liệu Minh Phúc		Lô 02 - 8B	1198.6		private	electronic products												
30	HTX CN Hoàng Anh		Lô 01 - 8A	957		Joint-stocked	paper												
31	HTX CN Thanh Tùng		Lô 02 - 8A	957		Joint-stocked	paper												
32	HTX CN Thành Hưng		02 - 4	983.5		Joint-stocked	paper												
33	DNTN dệt kim Long Giang		01 - 4	980.3		private	weave												
CCN Vĩnh Tuy																			
1	Cty TNHH Dianna						doors, windows					50.0	145	0	26	0			70,000
2	Cty In Nam Minh																		
3	Cty 3A											2.0	425	0	40	0	329	0	
4	Cty TNHH Minh Trí											30.0	145	0	30	0			70,000
5	Cty TNHH nhựa Hoàng Hà											30.0	60	0					8,000
6	Cty TNHH Huy Vượng																		
7	Cty cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa						mech refrigeration					20.0							500,000
8	Cty TNHH Bảo Lâm						packaging					5.0							
9	Cty Quốc Anh																		
10	Cty Kim Sơn											5.0							
11	Cty bao bì Hòa Bình											2.0	1,321	0	276	0			46,000
12	Cty TNHH Sao Nam											2.0	355	0	29	0	82	0	70000
13	Cty Tân Mỹ																		
14	Cty SX&TM Sơn Minh						packaging					20.0	65	0					145000
15	HTX Công nghiệp Tiến Bộ																		
16	Cty XD và gia cố nền móng (CEF)																		
17	Cty Toàn Thắng																		
18	Cty XD và cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật COMETCO (LICOGI)																		
19	Cty CP In Hà Nội																		
Quoc Oai																			
CCN Yên Sơn																			
1	Cty CP Minh Sơn			22,489	2000	Joint-stocked	weave, garment	700											
2	Cty TNHH Minh Giang			10,504	2001	private	wood, steel products	150											
3	Cty CP đầu tư phát triển hạ tầng và XD Sông Đa			10,112.60	2001	Joint-stocked	Ready Mixed Concrete	50											
CCN Ngọc Liệp																			

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
1	Cty TNHH Phú Thắng			9814			metal equipment	250											
2	Cty TNHH Tân Hà II			8380			wood products	30											
3	Cty TNHH Tây Phương			8432			wood products	30											
4	Cty TNHH An Khang			8280			machenic	120											
5	Cty CP ĐT&XD Bưu Điện			34902			facilities	30											
6	Cty TNHH Hải Vân			6490			electronic products	50											
7	Cty TNHH Duy Thịnh			7183			construction												
8	Cty XD Thăng Long			7357			machenic, construction	40											
9	Cty TNHH SENA Vietnam			2468.4			sanitary equipment	30											
10	Cty CP ĐT&XD HT&PTNT			9160			mix-concrete	30											
11	Cty Sông Đà 11			2609			mechanic	10											
CCN Quốc Oai																			
1	DNTN Tuấn Ngọc						mechanic	80											
2	Cty SX ô tô xe máy Hà Nội						car, bike assembly	50											
3	Công viên công nghệ thông tin AIT						Information Tech.												
4	Cty liên doanh Kenmec Vietnam						automatic machine												
5	Cty TNHH - TM Đại Phát						mechanic	30											
6	Cty may Hồ Gươm						garment	300											
7	Cty CP Phú Thịnh Sông Hồng Vinashin						wood processing												
8	Cty TNHH - TM Quốc Đạt						wood processing	10											
9	NXB Giáo dục						book, printed-paper												
10	Cty TNHH sản xuất Quang Vinh						industrial plastic	20											
11	Nhà máy thuốc lá Thăng Long						cigarette												
12	Cty Công nghệ hóa sinh Vietnam						bio-chemical products	15											
13	Cty CP đầu tư xây dựng nhà đất						glass, aluminum	50											
14	Cty TNHH Tấn Cường						kraff package	70											
15	Cty CP Liên Anh Thanh						garment												
16	Cty TNHH Tân Mỹ						mechanic	250											
17	Cty TNHH TM Thanh Tân						steel frame house	15											
18	Cty TNHH mỹ nghệ Mỹ Đức						wood processing	30											
19	Cty CP công nghệ BB						perfume paper	20											
20	DNTN Hồng Xuân						mechanic	150											
21	Cty TNHH Sơn Thắng						wood processing	10											
22	Cty CP ĐT XD TM Phương Hạnh						wood processing												
23	Cty CP TM và dịch vụ Địa chất						plant	10											
24	Cty CP vật liệu viễn thông VPT						telecommunication material	30											
25	Cty CP Aquana Vietnam						composite	15											
26	Cty CP Đồng Phát						brush												
Thach That																			
KCN Thạch Thất - Quốc Oai																			
1	DNTN Tuấn Ngọc						processing mechanical product for interior	60											
2	Cty SX ô tô xe máy Hà Nội						and motobike	110											
3	Công viên công nghệ ATI																		
4	Cty liên doanh Kenmec VN						equipment treating waste water	10											
5	Cty TNHH TM Đại Phát						processing mechanical product for interior	33											
6	Cty cổ phần may Hồ Gươm						clothing for export	242											
7	Cty cổ phần Phú Thịnh Sông Hồng Vinashin						refined wood product	160											

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
8	Cty TNHH TM Quốc Đạt						high-grade wood thing fo interior and exterior decoration	8											
9	NXB giáo dục																		
10	Cty TNHH SX Quanh Vinh						plastic												
11	NM thuốc lá Thăng Long						tobaco												
12	Cty cổ phần khai thác mỏ						microorganism mineral	13											
13	Cty công nghệ hóa sinh VN						chemical-biology product	50											
14	Cty CP đầu tư XD nhà đất						frame with aluminium and glass, interior decoration	96											
15	Cty TNHH Tấn Cường						packing												
16	Cty CP Liên Anh Thanh						clothing for export	103											
17	CTY TNHH Tân Mỹ						high quality mechanical product	435											
18	Cty TNHH TM Đức Linh						mechanical product for interior decoration	82											
19	Cty TNHH TM Thanh Tân						house - frame made by steel												
20	Cty TNHH mỹ nghệ Mỹ Đức						wood thing for interior and exterior decoration	23											
21	Cty CP công nghệ BB						fragrant paper	70											
22	DNTN Hồng Xuân						mechanical product	87											
23	Cty TNHH Sơn Thắng						wood thing	52											
24	Cty CP ĐTXDTM Phương Hạnh						high - grade wood thing												
25	Cty CPXD Miền Tây						frefabricated building components by concrete												
26	Hà Nội (Habeco)						brewery	70											
27	Cty CP TM & DV Địa Chất						building am supply water station	21											
CCN Thạch Thất - Quốc Oai																			
1	Cty CP Dệt Mùa Đông		Phùng Xá				weave, garment												
2	Cty CP mứt kẹo Hà Nội		Phùng Xá				food processing												
3	Cty CP thép HATACO		Phùng Xá				contruction materials, steel												
4	Cty TNHH Tajima Stell Vietnam		Phùng Xá				steel	70											
5	Cty TNHH Ferroli Indochina		Phùng Xá				electronic products	150											
6	Cty TNHH Yantin Chemicals		Phùng Xá				PCBs (chip)	150											
7	Vietnam		Phùng Xá				LCD assembly	4000											
8	Cty TNHH thiết bị dạy nghề		Phùng Xá				teaching equipment												
9	Cty TNHH thương mại TBC		Phùng Xá				teaching equipment												
10	Cty TNHH Châu Á		Phùng Xá				car service	200											
11	Cty dịch vụ và thương mại địa chất		Phùng Xá				wastewater treatment plant construction	30											
12	Cty TNHH Meiko Việt Nam		Phùng Xá				electronic products	7000											
ĐCN Thạch Thất district																			
1	14 households		Bình Phú				wood products												
2	17 households		Đại Đồng				wood products												
3	11 households		Hương Ngải				wood products												
4	26 households		Dị Nậu				wood products												
5	200 households		Chàng Sơn				wood products												
6	360 metalware		Phùng Xá				metalware, plating												

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
CCN Bắc Phú Cát																			
1	Nhà máy đá ốp lát						advanced compound stone manufacturing					390 m3/month							
2	Doanh nghiệp tư nhân Minh Nguyệt						export tea processing					260.0							
3	Cty TNHH Hùng Hưng						motorbike fitting												
4	Cty CP Chế tác đá						export stone invention					250.0							
5	Cty Liên doanh Vicostone						advanced compound stone manufacturing					400.0							
6	Cty Kim Đĩnh						food service trading					350.0							
CCN Hòa Lạc																			
1	Cty TNHH Điện tử Noble Việt Nam						high tech electrical fitting manufacturing					390.0							
2	Cty TNHH Điện tử O-TECK VN						high tech electrical fitting manufacturing					200.0							
CCN Bình Phú																			
1	Cty TNHH Duy Thịnh						motobike fitting manufacturing					520.0							
2	Cty TNHH Mạnh Cường						furniture wood processing					30.0							
3	Cty TNHH Long Hưng						civil wood manufacturing					42.0							
4	Cty TNHH Tân Viên						civil wood manufacturing					45.0							
5	Cty TNHH Tuấn Tới						civil wood manufacturing					45.0							
6	Cty TNHH Hoàng Phát						civil wood manufacturing					50.0							
7	Cty TNHH Mạnh Quang						steel processing					50.0							
8	Cty TNHH Đa Liên						steel processing					55.0							
9	Cty TNHH Thép Việt						steel processing					55.0							
Thanh Oai																			
CCN Thanh Oai																			
1	Cty CP Cơ khí CO MA 18						Tension Electric Pole manufacturing	128											
2	Cty CP Nam Đô						car manufacturing and fitting, motorbike trading	95											
3	Cty CP Long Mã						export garment	550											
4	DTNN Hoa Nam						Carton packing manufacturing	60											
5	Cơ sở chế biến dược liệu						Medicine manufacturing	50											
6	Cty TNHH Hừng Đông						board manufacturing	120											
7	Cty đầu tư và phát triển đô thị số 3																		
8	Cty VINACONEC 3																		
9	Cty Bảo Long																		
10	Cty TNHH Tùng Hiệp						Wood furniture manufacturing and Mechanical processing	125											
11	Cty CP Nhựa nhiệt đới						Plastic product manufacturing	10											
12	Chi nhánh Cao su Sài Gòn KYMDAN						Rubber mattress manufacturing	50											
13	Cty TNHH XNK Bảo Tuấn						mechanical Bolt and screw nut manufacturing	20											
14	Cty TNHH Cơ điện Đại Dương				1997	private	Mechanical manufacturing	115	150 tan/ thang	chua		15.0							
15	Cty TNHH Hà Minh						Wood and construction material Manufacturing	50											
16	Cty TNHH giấy Phúc Đạt						paper manufacturing	115											
17	Cty TNHH XD công trình văn hóa Thăng Long						Wood manufacturing	145											

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
18	Cty CP SX đầu tư thương mại Hà Nội						Fruit wine manufacturing	100											
19	Cty TNHH Dược phẩm Tân Á						Medicine and healthy equiment manufacturing	70											
20	Cty CP Quang Trung						Beer manufacturing	85											
21	Cty TNHH Thực phẩm Yngshing						Food manufacturing	100											
22	Cty TNHH [illegible] - Chi nhánh Hà Tây						[illegible] manufacturing	511											
23	Cty CP Thiết bị và chế biến thực phẩm Hoàng Gia						Food processing equipment manufacturing	105											
24	Cty TNHH Thần sâm - Trung Quốc						Car and motorbike component	100											
25	Cty CP Xây lắp Bưu điện Hà Nội						Cable, PVC pipe, mechenical product, concrete manufacturing	94											
26	Cty TNHH ITALIA																		
CCN Bích Hòa																			
1	Cty May mặc DHA						Export textile manufacturing and trading	800											
2	Chi nhánh cty TNHH Minh Hiền						Export pig meat processing	130											
3	Cơ sở sản xuất cơ khí Ngô Huy Khánh						[illegible] and manufacturing	138											
4	Cơ sở sản xuất các loại nắm và chế tạo sản phẩm cơ khí						Handle and mechanical manufacturing	60											
5	Cơ sở sản xuất kẹo Sô cô la Bỉ						Brussel chocolate candy manufacturing												
6	Xưởng chế biến nông sản						agricultural product processing	23											
CCN Bình Minh																			
1	Cty May Huy Ngọc						export garment	350											
2	Cty CP Cung ứng Sông Đà						Export Labor Tranining	1225											
ĐCN làng nghề Thanh Thùy																			
1	Đoàn Văn Bùi						Metal manufacturing	25											
2	Nguyễn Văn Hưng						Metal manufacturing	5											
3	Nguyễn Thị Hường						Metal manufacturing	5											
4	Lý Văn Năng						Metal manufacturing	4											
5	Nguyễn Văn Ý						Metal manufacturing	8											
6	Hoàng Minh Đặng						Metal manufacturing	10											
7	Tạ Quang Đăng						Metal manufacturing	30											
8	Nguyễn Văn Kỳ						Metal manufacturing	5											
9	Tạ Đình Mong						Metal manufacturing	15											
10	Nguyễn Văn Tuấn						Metal manufacturing	17											
11	Nguyễn Thị Mai						Metal manufacturing	4											
12	Nguyễn Mạnh Đoạt						Metal manufacturing	6											
Thanh Tri																			
CCN Ngọc Hồi												**403.9**							
1	Ban quản lý dự án các khu - cụm công nghiệp huyện Thanh Trì						Infrastructure company					50.0	53						
2	Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại cơ điện Hà Nội											5.0	86	0	37		62		
3	Công ty TNHH Thanh Phong											10.0							
4	Công ty TNHH Bao bì Việt Thắng											10.0	57		68				
5	Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ		2-CN9	800			mechanic, metallic, electronic mold and	800		concentrated		64.0							

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
6	Công ty máy & tự động hóa Nam Đô		5-CN6	66			mechanic manufacturing	66		concentrated		2.0							
7	Cty may Hoàng Sơn		1-CN10	120			garment	120		concentrated		5.0							
8	Cty TNHH Thùy Anh		1-CN7	60			PE, PP package, compound	60		concentrated		15.0							
9	Cty CPTM Khang Vĩnh-Phong Phú		2-CN8	under construction			fibre, knit, garment manufacturing												
10	Cty cơ khí Ngô Gia Tự		CN2	160			mechanic	160		concentrated									
11	Cty Cổ phần Đồng Tháp		1-CN8	under construction			mechanic					0.6							
12	Cty TNHH bao bì Minh Hoàng		2-CN7	210			package processing and manufacturing	90		concentrated		7.0							
13	Cty TNHH Vanllaack ASIA		1-CN4	1080			garment	489		concentrated		36.0							
14	Cty CP bao bì & in Nông Nghiệp		3-CN3	703			printing industry	165		concentrated		23.0							
15	Cty TM&PTCN Ngân Giang		4-CN6	130			optical mechanical, electronic, automation					4.0							
16	Cty TM Vân Sơn		6-CN6	10			mechanic, electromechanic tools assembling			concentrated		0.3							
17	Cty TNHH Ngọc Dần		4-CN3	490			metallic roofed, kinds of shaped steel	50		concentrated		16.0							
18	Cty TNHH TM Phúc Hưng		2-CN4	107			carton package manufacturing					4.0							
19	Cty CP Tập đoàn nhựa Đông Á		1-CN5	326			steel core PVC door processing	125		concentrated		11.0							
20	Cty TNHH Thanh Phong		1-CN3	546			Diesel engine assembling	120		concentrated		18.0							
21	Cty TNHH Nãm Thái		3-CN6	276			verenitary medicine manufacturing					9.0							
22	Cty CPSX&TM Điện cơ HN		9-CN5	268			electric fan assembling and manufacturing	70		concentrated		9.0							
23	Cty CP Phát triển kỹ thuật công nghệ EDH		2-CN3	455			processing, assembling and manufacturing electric cabinet	42		concentrated		15.0							
24	Cty TNHH Thiên Hòa An		1-CN9	167			manufacturing and assembling construction machine, electric engine	52		concentrated		6.0							
25	Cty TNHH thép An Thịnh		4-CN5	100			mechanic, steel composition					3.0							
26	Cty TNHH Phát triển công nghệ nhiệt lạnh & môi trường FTD		7-CN5	807			pressure devices, boiler manufacturing	66		concentrated		27.0							
27	Cty TNHH Vạn Phước		8-CN5	146			manufacturing and assembling multi rice cooker and water pump	85		concentrated		5.0							
28	Cty TNHH bao bì Việt Thắng		1-CN6	197			package printing	90		concentrated		7.0							
29	Cty TNHH SXTM&ĐT Anh Dũng		1-CN1	296			foodstuff for cattle	65		concentrated		3.0							
30	Cty CP Dược Phẩm Nam Hà		2-CN6	100			pharmaceutical	150		concentrated		3.0							
31	DNTN Tân Đại An		7-CN6	184			wood, decal					3.0							
32	Cty CP XNK Thành Công		2-CN5	30	not in operation yet		motorbike parts, household electric assembling					1.0							
33	Cty CPXL & TM COMA 25		3-CN5	53			mechanic					2.0							
34	Cty SX & bao bì hàng XK		5-CN5	243			package and exported gooden furniture					8.0							
35	Cty CP In Hà Nội		6B-CN5	152			office devices					3.0							
36	Cty TNHH kỹ nghệ Quang Phổ		6A-CN5	62			mechanic	20		concentrated		2.0							
37	Cty TNHH XNK Phúc Hưng		6C-CN5	304	under construction		wood					10.0							
38	Cty TNHH ĐT & PT chăn nuôi Hà Thành		2-CN1	213			foodstuff for cattle	30				7.0							
ĐTTCN Cầu Bươu																			

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
1	Cty CP Cơ khí & Thương mại VIMECO						steel structure	150				4.0							
2	Cty CP Cơ Kim Khí Hà Nội						sewing needle, mechanic	60		concentrated		7.0							
Thuong Tin																			
KCN Phụng Hiệp (CCN Hà Bình Phương included)																			
1	Hải Long						safely glass	123											
2	Cty TNHH An Thịnh						electronic products	72											
3	Công ty CP Cơ khí và xây lắp Việt Nhật						telecommunication products	120											
4	Việt Hàn LTP						stuffed cotton, kraff packa	130											
5	Cty TNHH thương mại Hải Long						safely glass	210											
6	Cty CP sữa sức sống Việt Nam						nutrient food	100											
7	Cty CP thuốc thú y TW5						animal pharmaceutical products	88											
8	Cty CP Đạt Tường						Household appliances	147											
9	Cty TNHH thương mại Quốc tế Hoàn thiện						Aluminium plastic Panel	50											
10	đồng bộ						industrial facilities	93											
11	Cty CP Công nghiệp thực phẩm Vinh Anh						food processing machine	114											
12	Cty CP Xây lắp và cơ khí cầu đường						mechanic	154											
13	Cty CP tập đoàn CN Thiên Phú						electric cable	130											
14	Cty CP thương mại xuất nhập khẩu Tràng Tiền						ice-cream, Cereals processing	80											
15	lực Hà Nội						electronic products	70											
16	Cty TNHH kỹ thuật Đức Sơn						metal plated	81											
17	Cty TNHH một thành viên P - T						vegetable store	130											
18	Cty CP đầu tư xd TM KYCONS						steel products	74											
19	Cty TNHH Ngọc Phan						food processing machine	44											
20	ADH						Household appliances	120											
21	Nam Á						print, kraff package	150											
22	Cty dược phẩm TW I						pharmaceutical products	300											
23	Cty CP thiết bị điện Thiên Phú						electronic products	100											
24	Cty CP cửa cuốn Úc Smart door						rolled door products	80											
25	Việt Linh						mechanic	80											
26	Doanh nghiệp tư nhân Hải Đức						bike accessories	80											
27	Cty TNHH khoa học kỹ thuật CIG						electronic products	190											
Tu Liem																			
KCN Nam Thăng Long																			
1	Công ty TNHH Readymix Vietnam						cement					60,0							
2	Giang Anh						carton package, plastic												
3	Minh Hòa						valve, mechanic accessories					15,0	160	0	52	0			75,000
4	In công đoàn						Store, printed papter												
5	Phúc Hà						PP-R plastic	91											
6	Socola Bĩ						chocolate	34				0,5	265		86		95		2,300,000
7	Trần Hồng Quân						Gas, gas tank												
8	Gốm sứ Toàn Quốc						pottery	37											
9	Dệt Nguyễn Quốc						textile, mechanic product												
10	TM Hà Dung						textile, mechanic product												
11	CP TM DV & SX Anh Đức						electronic product assembly												

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
12	CP sáng tạo PHP VN						household equipment assembly												
13	DNTN in Hà Phát						printing service												
14	Carbone VN						carbon brush												
15	Ngọn Lửa Thần						Gas, gas tank	62											
16	CP Hóa chất và thiết bị y tế Vĩnh An						textile, thread												
17	Sách HN						printed paper												
18	Công ty viễn thông quân đội Viettel						printer												
19	Điều kỳ diệu						sanitary napkin												
20	CP SX DV & TM Phát Linh						mechanic												
21	In và dịch vụ thương mại Phú Thịnh						printing												
CCN Từ Liêm				**45 ha**															
1	Nhà máy số 4 của Công ty TNHH NN MTV Kim khí Thăng Long						Metals			Cr(VI), Cr(III) Zn	> tenfold of permitted	45.0							
2	BQL dự án cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ huyện Từ Liêm						construct					300.0	99	0					
3	Công ty TNHH Cơ khí Tân Hòa						mechanic				> twofold of permitted	8.0							
4	Công ty TNHH Inox Hoàng Vũ						inox				> twofold of permitted standard	10.0	100						
5	Công ty TNHH SX và TM Hà Yến						mechanic												
6	Công ty TNHH cơ khí nhựa thành công						mechanic												
7	Công ty Cơ khí Công nông						mechanic												
8	Công ty cơ kim khí Hải hà						mechanic												
9	Công ty TNHH Hoàng Vũ						inox												
10	Công ty quốc tế Sơn hà						steel tube												
11	DN TN xí nghiệp cơ khí Phúc hưng						mechanic												
12	DN TN Trúc lâm						mechanic												
13	Công ty TNHH Nam phương						mechanic												
14	HTX Công nghiệp 8/3						mechanic												
15	Công ty CP Xây dựng Tây nam						mechanic												
16	Công ty cơ khí chính xác Thăng long						mechanic												
17	DN TN Duy Linh						mechanic												
18	Công ty TNHH trường xuân						mechanic												
19	Công ty xe đạp xe máy LIXEHA						mechanic												
20	Công ty TNHH Mỹ Việt						mechanic												
21	Công ty nội thất Đa Phúc						mechanic												
22	Công ty TNHH A Long						mechanic												
23	Công ty TNHH An Thương						mechanic												
24	Công ty TNHH Hiệp Hương						mechanic												
25	Công ty TNHH Sao Nam						mechanic												
26	Công ty TNHH Kim Long						mechanic												
27	Công ty thương mại Nam Hải						mechanic												
28	Công ty điện hoá Hà Sơn						mechanic												
29	Công ty TNHH Nam thái						mechanic												
30	Công ty xe đạp xe máy thống nhất						mechanic												
31	Công ty TNHH thương mại SENA						water pump												
32	Công ty cơ điện lạnh Bách khoa						food processing machine												
33	Công ty TNHH điện Hồng phúc						electronic cable												
34	Công ty phát triển công nghiệp điện AEC						electronic products												
35	Công ty cổ phần kỹ thuật điện tử SEEN						electronic measurement												
36	Công ty TNHH cáp điện Thái dương						electronic cable												

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
37	Công ty TNHH CN Long Phượng						electronic												
38	Công ty TNHH VINASHIN						electronic												
39	Công ty TNHH Tân kỷ nguyên						electronic products												
40	Công ty TNHH hệ thống ứng dụng						electronic products												
41	Công ty TNHH Trà my						electronic products												
42	Công ty TNHH Phạm Minh						glass production												
43	Công ty TNHH Huy Thành						glass production												
44	Công ty kính Việt nam						glass production												
45	Công ty TNHH in bao bì Bảo tiến						packing printing												
46	Công ty bao bì Phú Hưng						packing printing												
47	Công ty TNHH in Hà nội						packing printing												
48	Công ty TNHH Long Đạt						printing												
49	Công ty XNK Ngọc ánh						packing printing												
50	Công ty quảng cáo Hà việt						advertisement printing												
51	Công ty tạo mẫu in bao bì Miền bắc						packing printing												
52	Công ty Công thương Nam hải						packing printing												
53	Công ty in cổ phần Cầu giấy						packing printing												
54	Công ty TNHH khăn giấy ăn Đông Hiệp						high quality tissue												
55	HTX Diễm Thuỷ						paper cutting												
56	Công ty in bao bì Kiều trang						paper												
57	Công ty Cổ phần may Thanh bình						garment												
58	Công ty dệt kim Hà nội						weaving, garment												
59	Công ty TNHH dệt may Hà nội						weaving, garment												
60	Công ty SX - XNK tổng hợp Hà nội						export cap manufacturing												
61	Công ty TNHH sơn KO VA						paint												
62	Công ty TNHH TM và DV Bảo lợi						paint												
63	Công ty TNHH đúc Bắc sơn						paint												
64	Công ty TNHH Hoà Phong						paint												
65	Công ty gỗ Việt						wood												
66	Công ty đầu tư Xây dựng Ba đình						civil wood												
67	Công ty TNHH Phong thanh						wood												
68	Công ty Cao su tháng 5						Rubber												
69	Công ty TNHH Nhựa Hưng thuận						plastic mechanic products												
70	HTX Quyết tiến						plastic												
71	Công ty TNHH Đức Đạt						plastic												
72	Công ty TNHH Hợp lực						plastic												
73	Công ty TNHH Minh Châu						high quality cake												
74	Công ty TNHH Lộc Xuân						rice grinding												
75	Công ty TNHH bánh kẹo Thủ Đô						candy and cake manufacturing												
76	Công ty TNHH- dược phẩm ĐÔNG A						pharmaceutical manufacturing												
77	Công ty TNHH Hoàng ử						interior												
78	Công ty cổ phần mặt trời Vàng						domestic products												
79	Công ty vật liệu Công Nghệ						anti-thunder products												
80	Công ty khai thác nước ngầm I						water exploring												
81	Công ty cổ phần công nghệ sinh học						organic enzym												
82	Công ty thế giới Sơn mài						fine arts												
83	Công ty TNHH Huy Phát						processing												
84	Công ty TNHH SENTA						sanitary ware												
85	Công ty TNHH Hoàng Giang																		
Ung Ha																			
CCN Bac Vân Dinh																			

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
1	Công Ty Cổ Phần TM và SX Phú Liêu May		Ung Ha		2005	State	Textile	40	6 ty /nam			0.5							
Out of Nhue-Day river basin																			
KCN Quanh Minh - Mê Linh district			Mê Linh																
1	Nhà máy kính an toàn (CTY XD SỐ 70)						high-grade glass	40											
2	Cty TNHH Hòa Hưng						PP plastic packing	52											
3	Cty TNHH Tràng An						steel pipe and interior device and clothing	63											
4	Cty CP nhà thép Đỉnh Lê						steel structure and tole	59											
5	Cty TNHH Phong Nam						packing and plastic product for industry	165											
6	Cty CP Picenza Việt nam						inox basin and acrylic tub and processing wood	285											
7	Cty CP SX & TM Phúc Tiến - Vĩnh Phúc						building component made by steel and tole	79											
8	Cty TNHH thép MELIN						product for automobile,	99											
9	Cty CP LILAMA Hà Nội						assembling industrial works, steel - plated, zinc	232											
10	Cty TNHH đầu tư Tây Hồ Vĩnh Phúc						wattle wall, tole	72											
11	Cty CP LILAMA 3						steel structure and equipment for production	1278											
12	Cty CP Hải Việt						processing and packing sea-food product	10											
13	Cty CP Vật tư ngành nước VINACONEX						PPR and HDPE plastic pipe	52											
14	Cty cổ phần đầu tư và xây dựng HỮU HƯNG						precast concrete and mechanical product	84											
15	Mại GAS Hà Nội						liquefied petrolium gas	31											
16	Cty TNHH Nam Xương						metallurgy	50											
17	Cty TNHH công nghiệp ICDC						mechanical product	25											
18	Cty cổ phần GALAXY Việt Nam						paint wax-tree	64											
19	Tường						ceiling - frame	80											
20	DNTN xí nghiệp bao bì Công Minh						packing	110											
21	Cty TNHH công nghiệp STAR HAIR						artificial hair for export	297											
22	Cty CP tinh dầu và chất thơm						medicine	41											
23	Thành							182											
24	Cty TNHH Khánh Chúc						wool clothing and wool fibre	70											
25	Cty cổ phần Sao Việt						wood	22											
26	Cty CP TATICO Việt Nam						product from plastic	95											
27	Cty CP Picenza Việt nam						ceramic brick	285											
28	Cty CP dược phẩm Sao Kim						pharmaceutical product và extracting Artermisinin	180											
29	Cty TNHH Quảng Phát Vĩnh Phúc						producing stone for export	112											
30	Triển Đô Thị Và KCN IDICO (Nhà						supply water plant	20											
31	Cty CP cơ khí Mê Linh						steel and cast iron rough draft	52											
32	Cty CP cao su AVI						tyre and tube of automobile	30											
33	Cty TNHH dược phẩm Phúc Hưng						producing Arteminisin and essential oil	80											
34	Cty TNHH dệt may Linh Phương						fibre	124											
35	Cty TNHH sợi dệt Vĩnh Phúc						fibre	320											
36	Cty TNHH TM Trường Kiều						industrial dust - filter equipmet	25											

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
37	Cty CP may BTM						weaving and clothing for export	276											
38	Cty cổ phần cơ điện lạnh ERESSON						mechanical product												
39	Cty CP xây dựng và thiết bị công nghiệp (CIE)						equipment serving for construction	458											
40	EUROWINDOWS						plastic window	286											
41	Cty Cp cơ khí Hồ Gươm						product from Bimetal, mechanical product	117											
42	Cty TNHH sợi Vĩnh Phát						fibre	247											
43	Thương Mại)						food processing	23											
44	và đào tạo quốc tế						print												
45	Cty TNHH Công nghiệp Thái Bình Dương						industrial equipment, steel structure	50											
46	Cty cổ phần LICOGI 13						Block brick	14											
47	Cty CP nội thất Châu Á						wood thing for interior and exterior decoration	90											
48	Cty TNHH sản xuất và thương mại Phượng Linh						ice - cream and food processing	57											
49	Cty thi công cơ giới 1						producing steel structure and repairing building equipment	55											
50	Cty TNHH Thuốc thú y Việt Nam						medicine for cattle and poultry												
51	Cty CP sợi dệt Vĩnh Phúc						weaving	168											
52	thương mại dịch vụ Linh Sơn						print	91											
53	GARMENT						clothing and washing	591											
54	Cty TNHH Ngân Giang thết bị điện G7						casting electric equipment	135											
55	Cty TNHH XNK MINH TUẤN						products from paper and print	60											
56	CTY TNHH THÉP VIỆT THANH						roll of steel, a part of casting mould	76											
57	Ngân hàng công thương - chi nhánh KCN Quang Minh						carrying on business on money	53											
58	Cty TNHH sản xuất thương mại LEGROUP						equipment of motorbike	195											
59	Cty cổ phần SX và thương mại Tân Đức						plastic product and soundfroofing system	56											
60	Cty TNNN khóa Huy Hoàng						keys, souvernir present và mechanical product	18											
61	Cty TNHH Lê Việt						processing tea	38											
62	điện nước (COMA.EL)						raising equipment	128											
63	Cty cổ phần Thuận Hưng						Calcium carbonate	833											
64	Cty CP dụng cụ cơ khí xuất khẩu						devices for automobile and motorbike; inox product và mechanical product												
65	Phòng (ELINCO)						card												
66	ĐỒ						paper packing	126											
67	Cty TNHH thương mại Kỹ thuật Hùng Toán Chính (HTC)						producing and assembling equipment of generator	46											
68	Cty TNHH Dương Nguyên						paint wax-tree	52											
69	Cty TNHH công trình giao thông Bình An						precast concrete and mixing concrete station	128											
70	Cty TNHH Việt Hà						steel	58											
71	Cty CP đầu tư XD Toàn Phát						handcraft product	63											

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
72	(VIT-CORPORATION)						CD, DVD disc	49											
73	Thăng Long						light equipment	152											
74	Tân Phong						interior wood thing	67											
75	Cty CP dược phẩm Hà Nội						pharmaceutical product												
76	Cty TNHH Bắc Thăng Long II						soundfroofing system and ventilation	6											
77	Cty CP Hưng Thuận Phát						mechanical product	54											
78	Cty TNHH SX & TM tổng hợp Việt Dũng						processing mechanical product	36											
79	Cty CP Việt Nhật						devices for motorbike												
80	Cty TNHH M& H																		
81	Cty Cp Việt Thành						a part of mechanical product, steel, a part of clement product	45											
82	CTY CP DƯỢC PHẨM TW 2						pharmaceutical product	168											
83	CTY CP TM & ĐT HOÀNG GIA						food and beverage	70											
84	THÀNH						constructing devices	73											
85	CTY CỔ PHẦN WOODSLAND						wood processing	676											
86	CTY IN BAO BÌ HÀ NỘI						packing	200											
87	CTY CP THẺ THÔNG MINH MK						SIM card and phone card	176											
88	CTY TNHH MÁY VÀ THIẾT BỊ THÁI BÌNH DƯƠNG						machine and equipment manufacturing	78											
89	CTY TNHH KHO VẬN CHUYÊN NGHIỆP ETC						producing and assembling freez equipment	25											
90	THUẬT SỐ - DIREA						air condition and fridge	74											
91	CTY NHỰA HÀN QUỐC						plastic product	36											
92	NAM						plastic product	332											
93	CTY TNHH THƯƠNG MẠI ASIA																		
94	VẬN (MERRY CARRIER)						warehouse for rent												
95	CTY TNHH KANAROO - VP						fibre	166											
96	CTY TNHH LOGITEM VIET NAM						warehouse for rent	26											
97	CTY CP CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI						plastic product	112											
98	CTY CỔ PHẦN V-TRAC						investing infrastructure	82											
99	CTY UNITED MOTOR VINH PHÚC						devices for automobile	116											
100	NAM							104											
101	LƯỢNG VIỆT NAM						devices for automobile	88											
102	CTY TNHH INOAC VIỆT NAM						producing chair	1082											
103	DN CHẾ XUẤT MARUMITSU						interrior decoration												
104	CTY TNHH YUFU																		
105	CTY TNHH YUFON							170											
106	CTY TNHH NIDEC NISSIN VIỆT NAM						devices for print machine	669											
107	CTY TNHH CÔNG NGHỆ MUTO HÀ NỘI						apart of plastic and casting mould	986											
108	CTY ĐIỆN TỬ ASTI VIỆT NAM						devides and conducting - wire	10											
109	CTY TNHH NIHON ETTING VIỆT NAM						repairing mould devices												
110	CTY TNHH LINH KIỆN FLEXI VIỆT NAM							148											
111	CTY TNHH SƠN NIPPON VĨNH PHÚC						paint	139											
112	CTY TNHH CHUFUN						sale and assembling components of motorbike	213											

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
113	CTY TNHH TIẾP VẬN KINTETSU VIỆT NAM						warehouse sevices	116											
114	CTY TNHH LUNTAI INTERNATIONAL VN							109											
115	CTY TNHH CHẾ TẠO ĐỘNG CƠ ZONG SHEN						manufaturing engine for motorbike	589											
116	CTY TNHH KALOTEC VIỆT NAM						boarb for print machine												
117	CTY TNHH CÔNG NGHỆ DONG WON						reduce sound part	7											
118	CTY HÓA PHẨM THIÊN NÔNG II							11											
119	CTY TNHH HOKUYO PRECISION VIỆT NAM						mould and mould of electronic board	39											
120	CTY TNHH TERUMO VIỆT NAM						liquid transfusion equipment	374											
121	CTY TNHH TIẾN MẠNH							62											
122	CTY TNHH JPK PRECION HÀ NỘI						designing and assembling plastic mould	68											
123	CTY TNHH ABEISM VIỆT NAM						guiline technology document	227											
124	CTY TNHH KIM KHÍ THYSSENKRUPP VIỆT NAM							82											
KCN Thăng Long				**Dong Anh district**															
1	Công ty TNHH KCN TL						trading infrastructure, consultants…	104											
2	Parker Processing VN						surfaces treatment, print, paint avoid corrosion	188				83,3							
3	Bút chì Mitsubishi						pencil export	217											
4	SD Việt Nam						electric wire & electronic cable	273				46,0							
5	Canon VN						printer	9946				540,0							
6	Volex VN						electrical conductivity products	275											
7	Sumitomo Bakelite VN						plastics chips	2593				1500,0							
8	Denso VN						car accessories	1430				91,0							
9	Toa VN						electronic products	115				23,0							
10	Santomas						mechanics products	471											
11	Toto VN						sanitary equipment products	1806				950,0							
12	Sakurai						transport facility	171				26,0							
13	Matsuo Industries VN						mechanics products for cars	810				77,0							
14	Fujikin VN						system control the flow exactly	344				92,0							
15	Vinacad						design houses, facilities	176				6,2							
16	Ohara Plastics VN						plastic pattern	174											
17	Tiếp vận Thăng Long						services, invest procedure												
18	Hanoi Steel Center						branch electric industry, electromagnetic, cars,	164											
19	SEED VN						stationery	63											
20	TOHO VN						design, manufacture, maintain pattern	147				15,0							
21	Kayaba						shock absorber for cars, motorbikes					150,0							
22	HAL VN						aluminium casting,	530				8,0							
23	New Sytem VN						supply equipment network	25											
24	Panasonic Home Appliances VN						electronic products	361				1,1							

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
25	Kein Hing Muramoto VN						electromagnetic, sar, motorbikes industrial	204											
26	Ryonan Electric VN						manufacture, process, assemble electric wire	161											
27	Chiyoda Integre VN						electronic, electromagnetic products	440											
28	YASUFUKU VN						parts of plastic, rubber for industrial cars, motobikes	100											
29	Tokyo Micro VN						manufacture, assemble engine (motor)	1354											
30	Kỹ thuật Fusione HN						hardware, software; design construction and architecture												
31	Bemac Panels Manufacturing VN						equipment, system electric for ship	184				20,0							
32	Sato VN						manufacture, process, assemble	282				36,0							
33	Daiwa Plastics Thăng Long						electromagnetic, cars, motorbikes products, sanitary equipments	806											
34	Hoya Glass Disk VN						computer (hard disk)	6226				4250,0							
35	Suncall Technology VN						electromagnetic products and information technology	963				37,0							
36	Fujipla Enginneering VN						plastic pattern	94				10,0							
37	Kanepackage VN						kraff plastic	242											
38	Kyoei Dietech VN						electromagnetic pattern	34											
39	Ikeuchi Việt Nam						sprayer	39				5,0							
40	JSW Plastics Mechinery VN						service maintain casting machine	5											
41	Sản xuất phụ tùng Yamaha Motor Việt Nam						motobikes ang service maintain motobikes	1003				139,0							
42	Takara Tool & Die Hà Nội						exactly pattern product, process plastic and metal components	120											
43	Alpha Industries VN						plastic components of electronic,	95											
44	Kai Việt Nam						equipment beautiful	292											
45	Sumitomo Heavy Industries VN						industrial electric machine	605											
46	Asumitech VN						motorbike products	223				37,0							
47	SWCC Showa (Viet Nam)						printer, photocopy machine, electric wire	284											
48	Enplass Việt nam						televison screen	239				15,0							
49	Asahi Intec Hà Nội						stainless steel products	543											
50	Eiwo Rubber MFG						tuffseals of motobikes and gas holder	49				6,5							
51	Việt Nam Iritani						components and pattern for industries	560											
52	FCC Việt Nam						car accessories, specialized car	647				45,0							
53	Nissei Electric Hà Nội						technical assembly	2412				75,0							
54	Panasonic Communications						electronic, electromagnetic hightech	2161				57,0							
55	Panasonic Electric devices						electromagnetic products	2589											
56	Nihon Denkei						electromagnetic measure equipments and maintain												

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
57	NSK VN						ball-bearing import of NSK group	12											
58	Inter Art Sai Gon						interior decoration products	4											
59	Fanuc Việt Nam						Equipment and systems automate												
60	Ogino VN						engine accessories	118											
61	Goshu Koshan						environmetal treatment facility	52											
62	Panasonic R& D Việt nam						products, digital technology; design and												
63	Phụ tùng xe máy, ô tô Machino						motorbike, car accessories	1561											
64	Nagatsu VN						construction machine	23											
65	Nitto Denko						chip	17											
66	A Mold VN						design pattern												
67	Netmarks VN Liability						consultant hadrware, supply software, design system computer												
68	TNHH Jtec HN						electromagnetic wire	47											
69	Enkei VN						wheel	257											
70	Molex VN						equipment connection	223											
71	Nippon Kouatsu Electric VN						system electric products, plastic products	49											
72	Công ty Hoev						electromagnetic equipments	156											
73	MHI Aerospace						wings metal components for commercial aircraft	50											
74	Aikawa Vietnam						components plastics pattern, exactly plastic	28											
75	Sumitronics VN						electromagnetic products	4											
76	Kuroda Electric VN						import-export												
77	Công ty CP dịch vụ số liệu toàn cầu						processed data center												
78	Hệ thống truyền tải và phân phối Toshiba (VN)						electronic products												
79	Panasonic VN						supply service for products company in VN	162											
80	Daiichi Kinzoku VN						steel equipments	5											
81	Công nghệp KYB VN						shock absorber for cars, motorbikes	264											
82	Sanko Soken VN: DN chế xuất						electromagnetic products	8											
83	Tokyo Byokane VN						steel equipments												
84	Công ty TNHH Sumitomo NACCO Materials Handling (Việt nam)						components forklift truck												
KCN Nội Bài		**Son Son district**																	
1	Cong ty phát triển Nội Bài						trading infrastructure	51											
2	NCI Việt Nam						decal production	260				68,0							
3	sản phẩm thép VN						producing high quality steel tube	183				30,0							
4	Nhà thép tiền chế Zamil VN						steel house frame, machine prefabrication	1133				180,0							
5	CP United Motor VN						motorbikes accessories	600				300,0							
6	Thiết bị & sản phẩm an toàn VN						helmet	170				15,0							
7	Amrrstrong VN						car accessories	171				300,0							

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
8	Nippo Mechatronics VN						electromagnetic products	518				50,0							
9	Kyoei VN						car accessories, electronic products	589				88,0							
10	Logitem VN - Công ty liên doanh vận tải hỗn hợp Việt - Nhật số 2						supply and transportation center	569											
11	Kỹ thuật công nghiệp Việt Nam						design, manufacture patterns												
12	Công nghệp Credit up VN						car accessories	174				30,0	385	0	108	0	60	0	
13	Công nghệp Broad Bright Sakura VN						car accessories	273				26,5	1,824	0	526	0			55,000
14	Kỹ thuật Yamazaki						car accessories	106				10,0							
15	Công nghệp Kwang Yang						produce, process ceramic materials	10				10,0							
16	Asahi Denso						motorbikes accessories	72				10,0							
17	Công nghệp Spindex Hà Nội						mechanical precision	160				100,0	72	0	23	0			
18	Japan Seidai Việt nam						computer, electric, telecom, car, motorbikes	228				40,0							
19	Goko Spring Việt nam						electromagnetic instrucments	103				5,0							
20	Fujico Việt Nam						car accessories	57				8,0							
21	Rhythm Precision Việt Nam						pattern, electromagnetic products	230				26,0							
22	Toyoda Giken Việt nam						produce, process car accessories	52				70,0							
23	Summit Auto Alliance HN						car accessories	20				3,0							
24	Kein Hing Polychrome VN						car accessories	16											
25	Nippon Konpo Việt nam						printer, car accessories	35				1,0							
26	Honest VN						car accessories, transprotation, storage	44				3,0							
27	VN Leakless						transmission axis of car	159				13,0							
28	Kishiro VN						motorbikes, car accessories	166				190,0							
29	Chi nhánh công ty CP thép đặc biệt provision						electromagnetic products, automatic	85											
30	Filtech VN						pattern, pattern details and service of process	72											
31	Nippon Seiki						production rate meter, measure fuel	375											
32	Iki Cast Việt Nam						process metal	43											
33	Hsin Chi Precision Việt Nam						produce, repair pattern												
34	Công ty TNHH United Motor Việt Nam						motorbikes accessories, service maintain	4161				300,0	290	0	114	0	800	0	
35	TS Interseats VN						motor vihicle accessories	65											
36	TS Việt Nam						motor vihicle accessories	15				6,0							
37	Endo stails Steel VN						stainless steel products	90											
38	CN Vestal VN						trading real estate												
39	HONG MINH VN						pattern	315											
40	Sơn Eason Urai						paint, vecni for industry												
41	Hamagasu VN						seal, pattern, car and motorbike accessories	18											

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
42	CP tập đoàn địa ốc Viễn Đông						invest petrol station, car wash												
KCN Sài Đồng B		**Gia Lam district**																	
1	Orion - Hanel						lamp												
2	Điện tử Daewoo - hanel						television, fridge, electronic device	430				100,0							46,500
3	Kim loại Orion - Hà Nội						the parts of metal used in electronic industry	120											
4	Khuôn đúc Tsukuba						mould	308				100,0	95	0	34	0			10,500
5	Sumi - Hanel						conducting-wire system	2940				180,0	192	0	57	0			1,200,000
6	Pentax VN						optics device	1079				400,0							
7	Điện tử Hà Nội						cardboard packing	22				2000,0	645	0	224	0	95	0	5,500,000
8	Coông ty new Toyo Dynapac						aluminium- paper packing	349				45,0	12,240	0	3,600	0	90	0	45,000
9	Zuelling Pharma Pte.Ltd						import and deliver pharmaceutical product	1093											
10	New Hope Hà Nội						cattle food	195				25,0							10,500
11	Phúc Đầy						filtered water	14											
12	MEDICOS France (Emas Kiara)						cosmetic												
13	MSA - Hapro						clothing	1252				68,0	275	0	86	0			550,000
14	Discovery Diamonds						processing gold and gem stone	47											
15	Hitech						services using for syrinege product	35				6,3							
16	Wictor Vina						glue					1,0							
17	Biên Hòa						producing cake and candy	261				40,0	960	0	322	0	165	0	75,000
18	Hanel xốp nhựa						plastic	220				15,0	60						
19	Khí đốt Gia Định						gas	109				8,0							
20	Hanel điện tử						electronic product					23,0							
21	SIN-HANEL (đổi tên Zion)						plastic mould	88				8,0	100		32				23,000
22	Hải Tiến						learning equipment					3,0							
23	Máy tính Thế Trung						assembling CMS computer												
24	Công nghiệp cơ điện lạnh																		
25	Công ty TNHH Đại Bắc						chemistry - cosmetic	20											
KCN Hà Nội - Đài Tư		**Gia Lam district**																	
1	Công ty Xây dựng và Kinh doanh cơ sở Hạ tầng Khu công nghiệp Hà Nội–Đài Tư						construction						336	0	124	0			230,000
2	Ngôi sao VN						warranty center and present automobile	82				12,0	68	0	21	0			
3	Hệ thống CN VN						electric devices	47											
4	Hữu Toàn						producing and assembling generator	26				1,7							
5	Thép Chương Dương						steel structure	31											
6	Trường Hải						repairing and giving a warranty to automobile	110				50,0	244	0	70	0			75,000
7	Heiwa hygiene Hà Nội						product, health devices, preliminary medicine,	138				3,0	268	0	81	0			
8	Akeboto Kasaei VN						assembling plastic products	68				0,5	220	0	66	0			

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NOI-HA TAY, listed by districts and industrial estates

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Contact phone	Địa chỉ/ Location	Diện tích/ Area (m2)	Năm hoạt động/ Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/ State owned or private	Sản phẩm/ Process	Số nhân công/ Number of employees (người)	Cách thức/ Product	Pre-Treatment (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Flow rate (m3/d)	COD		DBO_5		SS		Coliforms
													(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(mg/l)	(kg/d)	(UFC/100ml)
9	Malugo Việt Nam						paper, products from plastic	16											
10	TNHH Le Xim						working machine for rent												
11	Ishigaki Rubber VN						products from plastic and rubber	24											
12	KEF VN						assembling devices and product from plastic and												
13	TNHH OSK Metal						a part of metal												
14	Ebara Udilyte VN						processing metal products	17											
15	CP may Sài Đồng						weaving and clothing product	201				2,5							
16	CP tư vấn thiết bị dầu khí Việt Nam						pouring gas	75				7,0							
17	CP XNK TM và chế biến thực phẩm Minh Hoa						ice-cream and cake and candy	60				10,0							
18	CP thép Thành Đạt						tole made by steel, steel	40				2,0							
19	CP thời trang Nem						material of clothing industry												
20	Nakamura						processing metal products												
21	Sơn Dương Vàng						processing gold and gem stone	91											
22	Công ty CP thép Minh Phú						tole, steel												
23	Công ty TNHH H.I.Metals						belt made by metal												
24	Japan Industry (VN)						equipment for industry												
25	TSB apex Hà Nội						cable												
26	XNK tổng hợp Hà Nội																		
27	CP Tôn Hoa Sen																		
28	CP Container Trần Hưng Đạo							14				3,0							
29	Gỗ Figar							45				5,0							230,000

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NAM, listed by estate

TT	Name of Industries	Part of Industrial Estate no.	Person in charge, tel	Number of worker	Input products	Flow (m^3/d)	Wastewater main contaminant	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Connected to centralized WW sewer or not?
Dong Van IP										
1	Mien Bac Food Company (Huu Nghi Food Company)	Dong Van 1 IP	Ta Nguyen Hai MB0915-59d 286	250-300	candy, biscuit all types/75 ton/month	36	organic matter, oil	none		connected
2	Dai Duong Ltd Company	Dong Van IP		125	Fish sauce, salt		organic matter	none		connected
3	Hong Ha Nutrious Food Company	Dong Van IP		217	Food for liverstock and animals		organic matter	none		connected
4	ANCO Nutrious food international joint stock	Dong Van IP		121	Food for Livestock and Poultry		organic matter	none		connected
5	Viet Phuong company	Dong Van IP		30	Dry soybean, fish powder, corn,	7	organic matter	none		connected
6	Dai Uy Company	Dong Van IP	Le Van Nam (Director) MB 0913297700	93	Dry soybean, fish powder, meat and bone powder, cam gao, corn, tapioka, vitamine	5	organic matter	none		connected
7	Giang Hong Livestock food company	Dong Van IP		42	Food for livestock, 2100 ton/month	8				
8	International Agri-nutritious joint-stock Co (CTY CP Dinh Duong Nong Nghiep QT)	Dong Van IP	Co Huy Thau Tel0351.3582.875	70	Corn, Tapioca for livestock 10000tons/month	15				
9	Tri Huong Garment and Textile Ltd Company	Dong Van I IP		140	Cloth all types; 3000000 m/year	10	Flour, Sulfur, Ammonia			
10	Leo Jins Vietnam Garment company	Dong Van I IP		1600	Cloth and other garment products		reagents, textile fibre			
11	19-5 Ha Noi Textile Joint stock company	Dong Van I IP	Mr. Bui Quang Vinh	338	Cloth and other textile product	25	reagents, textile fibre	CETP		Connected
12	NORFOLK HATEXCO garment joint stock company	Dong Van I IP		600	Cloth; 2million products/year	18	organic derivatives			
13	Phuong Nam Ltd Company	Dong Van IP		7	Pesticides					
14	Hung Thinh Steel company	Dong Van I		81	Steel and other products		heat			
15	Chiness Hoa Phong Joint Stock company	Dong Van I	Mr. Ly Tho Tai Tel03513583888	150	Low quality steel; 60,000 ton/year	0.6	heat	Recycling		No
16	Nhat Ha Jointstock Company	Dong Van IP	Nguyen Van Dang, Tel03513.835.428	30	Steel and iron all types	3	Cr, Ni			
17	Ruler Electric Equipment factory	Dong Van 1 IP	Dao Viet Thanh	45	400-500 electtric machines/year, silic, metal wire	4.5		CETP (Biological)		
18	Korea-Vietnam Copper Engineering Joint-stock Co	Dong Van IP	Ngeuyen Duc Thai, Tel 03513577001 (0939100888)	107	Electric wire, copper plate	70				
19	Hanoi Trade Ltd (YEEDO)	Dong Van IP	Ms. Kieu Thi Bich Ngoc 0351.3583.100	47	Jewelery, Thiec (500kg/month), Zn (3000 kg.month), Steel (100kg/month)	12	Dissolved inorganic componds, organic,	pre-clarification	C	
20	Thanh Xuan LTD	Dong Van IP	Nguyen Thai Son MB 0903426529	70	Glass, art products	150	domestic wastewater	pre-clarification		
21	Quang Quan LTD	Dong Van IP	Ngp Van Thoi MB0168.5321.739	30	PE, PP, PET, plastic bags	11				CETP
22	Thang Long Ltd company	Dong Van IP	Mr. Pham Van Luong	35	raw plastic for plastic pipe	7				CETP
23	European Joint-stock company	Dong Van IP	Mr. Pham Van Tien MB 0912590504		Plastic, coloring chemicals, additionor 20000tons/year	5				connected
24	Sao Thai Duong Ldt company	Dong Van IP		174	Drug and cosmetics					
25	Thuong Dinh Shoes LTD company	Dong Van IP								
26	Nam Ha Nishu Company	Dong Van IP		10	Paint and covered chemicals					
27	Paint and surfatant factory	Dong Van IP	Mr. Nguyen Dinh Tan, tel 01692507381-03513583588	65	Liquid paint 12,000 ton/year; Pwder pain 5800 ton/year	250		CETP	C	
28	Ha Nam Gasoline brand stantion	Dong Van IP		7	Gasoline	0.8	Oil and gasoline	CETP		
Chau Son IP										
29	Dong A Plastic company	Chau Son IP		140						
30	Viet Hoa Breweries Joint Stock company	Chau Son IP		66						no
31	Nam Trieu Company	Chau Son IP					Heat, Cr, Ni			
32	Ha Nam Garment Textile company	Chau Son IP		1300						

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: HA NAM, listed by estate

TT	Name of Industries	Part of Industrial Estate no.	Person in charge, tel	Number of worker	Input products	Flow (m^3/d)	Wastewater main contaminant	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Connected to centralized WW sewer or not?
Tay Nam IC										
1	Midway Metals Viet Nam Ltd	Tay Nam IC		75						
							heat, Cr, Ni			
2	Truong Son company	Tay Nam IC		144	Plate metals products					
							Cr, Ni			
3	Hoang Gia Electic-Mechanical factor	Tay Nam IC	Tran Huy Lien MB: 0351.6252157	25	Mechanic equipments			CETP		
4	Ha Nam Investment Company	Tay Nam IC		250	Knitting products					
5	Nguyen Toan (Ban Mai) Garment Textile Company	Tay Nam IC		1200	Cloth					
6	Vietnam JPC Company	Tay Nam IC		521	Wrappong materials					
7	2-9 Ltd Company	Tay Nam IC		50	Pulp and paper					
8	Duc Manh Garment Company	Tay Nam IC		374	Cloth					
9	Vietnam HAPPYTEX Company	Tay Nam IC	Nguyen Van Tam, Tel	480	Cloth and other textile products (35	8	organic derivatives reagents	CETP		
10	DUCTH LADY HA Nam Food and Sort drink Ltd.	Tay Nam IC	Le Duc Thanh Tel0351-846-	291	Milk all types and milk products; 43.5	400	organic matter, oil	Biological		no
Hoang Dong Industrial point										
1	Hop Thanh Import-Export LTD	Hoang Dong TTCN-C	Nguyen The Chien MB0904548113	20-25	May Tre Dan		Domestic	no		
2	Thanh Hang LTD	Hoang Dong TTCN-C	Ms. Nguyen Thi Mai MB0913.289.587	15	May Tre Dan		Domestic	no		
Ngoc Dong Industrial point										
1	Ngoc Dong Import-Export LTD	Ngoc Dong TTCN-C	Do Thi Hang MB0975858574		May Tre Dan		Domestic	No		
2	Duy Hong LTD	Ngoc Dong TTCN-C	Nguyen Van Sam MB0904.114.070	20	Ram material 15 000 prod/year		Domestic	no		
3	Thinh Vuong Concrete Contruction LDT	Ngoc Dong TTCN-C	Nguyen Duc Thien Tel031-3580-005	125	Cement, corase, sand		Domestic	no		

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: NAM DINH, listed by estates and production

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Name of contact person	Địa chỉ/ Location	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Các nguồn phát sinh /Resources of waste water (from activities or domestic waste) nước thải	Lưu lượng/Flow (m3/ day)	Wastewater main contaminant	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Industry connected to centralized WW sewer or not?	Hazardous waste production type	Hazardous waste volume (kg/day)	Nguồn tiếp nhận/Water course receiver	Lưu ý/Note
KCN Hoa Xoa 1																	
Sản xuất thuốc các loại																	
1	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Trường Thọ	Lê Trung Kiên	lô M1, đường N3 KCN Hòa Xá, Nam Định	12/01/2004	tư nhân	thuốc và thực phẩm chức năng	200	nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt			có xử lý sơ bộ, và xử lý thứ cấp (xử lý hiếu khí+vi sinh), có hệ thống lắng bùn và xử lý bùn			chất thải ăn mòn: 4L/năm; gây phản ứng 7L/năm; kim loại nặng 1L/năm			chi phí đầu tư xử lý: 500 triệu VND; chi phí vận hành hang năm 30 triệu VND
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Dân	Trần Quốc Hoàn 0984915313	lô E2 đường N4 KCN Hòa Xá	11/23/2004	tư nhân	thuốc viên, bột uống dòng kháng sinhβ lactan	101	nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất (có chứa thành phần hoạt chất thuốc kháng sinh và tá dược là chất hữu cơ)	35		các hố ga và song chắn rác loại bỏ rác cơ học; keo tụ với hóa chất PAC; xử lý qua bể kỵ khí --> bể hiếu khí --> bể lắng --> javen khử trùng; bùn được nạo vét định kỳ	TCVN 5945-2005 cột B	có	bùn thải phát sinh từ XLNT 1200 kg/năm; than hoạt tính thải 100 kg/năm; dung môi thải 50 kg/năm; dung dịch tẩy rửa 10 kg/năm, bóng đèn huỳnh quang + mực in thải 20 kg/năm			chi phí đầu tư xử lý 400 triệu VND; chi phí vận hành hàng năm 50 triệu VND
Sản xuất cơ khí																	
3	Nhà máy sản xuất lắp ráp xe máy - Công ty Cổ phần Honlei	Trần Đại Hải 0913391787	lô C5-1; C5-2 KCN Hòa Xá	04/01/2009	Công ty cổ phần	xe máy	180		7	dầu mỡ khoáng 1.04 mg/L; pH 7.2; SS 35 55; COD 47-76; BOD5 19.3-38.4; Fe 0.74-0.91; NH+ 1.86-2.16 mg/L						cống thoát chung của KCN	
4	Công ty Hợp danh Đông Thành	Đàm Tiến Loan 0350.3866654	lô J15 KCN Hòa Xá		tư nhân	phụ tùng máy nổ	30	nước thải sinh hoạt	2								
5	Công ty TNHH Hải Nam	Phạm Văn Hải 0350.3844801; 0912209090	lô C2-4 KCN Hòa Xá	Jul-02	tư nhân	sửa chữa xe ô tô, xo ô tô nói, phụ tùng ô tô: ắc nhíp, quang nhíp, trục ba lăng xê	106		1.3		chất rắn được thu gom, nước thải được thông qua bể lắng (hố ga) có nắp đậy, bùn trong hố ga được nạo vét theo quý						chi phí đầu tư xử lý 15 triệu VND, chi phí vận hành hàng năm 418.800 VND
6	Nhà máy sản xuất và lắp ráp ô tô - Công ty TNHH Đức Phương		lô C3-4; C4-4 KCN Hòa Xá		tư nhân	sản xuất và lắp ráp xe ô tô tải nhẹ và xe ô tô con đến 7 chỗ ngồi	100	nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất	3					chất tẩy dầu; chất tẩy gỉ H2SO4; chất phốt phát hóa		cống thoát chung KCN	
7	Công ty Cổ phần Hùng Vương		lô C4-1 KCN Hòa Xá	10/15/2001	tư nhân	dụng cụ cầm tay, bu lông ốc vít	25	nước thải sinh hoạt	2.6				có			cống thoát chung KCN	
8	Công ty TNHH Headwork Vietnam	Nguyễn Thừa Hậu 0914161650	lô G2 KCN Hòa Xá	05/26/2006	liên doanh	sản xuất, xuất khẩu linh kiện chế tạo ô tô	28	nước thải sinh hoạt					có	dầu mỡ máy móc thải ra khi thay thế	50 L/năm	cống thoát chung KCN	
9	Công ty TNHH Trường Phát	Nguyễn Thị Lộc 0919057665	lô C2-4; C2-5 đường N3 KCN Hòa Xá	08/20/2002	tư nhân	sản xuất phụ tùng ô tô (mâm bánh xe)	50		3								
10	Công ty TNHH Phú Hải	Nguyễn Tiến Công 0944448442	lô A8, C2-3 KCN Hòa Xá	02/16/2001	tư nhân	bếp nướng than hoa 1229, 11768, 11770, 0566	50-80	nước thải sinh hoạt	3	pH 5.5-9; SS 200; COD 400; dầu mỡ khoáng 5 mg/L	loại bỏ chất rắn, lắng đọng nước thải qua hệ thống xử lý của nhà máy, bùn được thu gom ập kết giao xử lý		có	bùn thải từ quá trình phốt phát 600 kg/năm; bao bì đựng hóa chất, sơn, xăng 1000kg/năm; chất thải vô cơ chứa thành phần nguy hại 50 kg/năm; giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại 200 kg/năm		cống thoát chung KCN	chi phí đầu tư xử lý 50 triệu VND; chi phí vận hành hàng năm 5 triệu VND
11	Công ty TNHH Huệ Hương	Trần Văn Huệ 0350.3847567	lô B2 (C5-7) KCN Hòa Xá	12/14/2002	tư nhân	tôn mỹ nghệ và hàng cơ khí xuất khẩu	100	nước thải công nghiệp pha trộn nước thải sinh hoạt và nước mưa	6		xử lý qua bể lọc qua than hoạt tính, qua nước vôi, bùn được vét thu gom gửi đi tiêu hủy		có	axít tẩy thải: 8.5kg/tháng; bazơ tẩy thải 6.7kg/tháng; nước tẩy rửa thải 160 m3/tháng, bùn thải từ quá trình phốt phát 0.5 m3/tháng	axít 102 kg/năm; bazơ 80.4 kg; bao bì đựng hóa chất 540 kg/năm; giẻ lau nhiễm các thành phần NH 120 kg/năm	cống thoát chung của KCN	chi phí xử lý 12 triệu VND/năm
12	Doanh nghiệp tư nhân Phú Thịnh	Lê Văn Tuấn 0350.3845390	lô C2-3 KCN Hòa Xá	2002	tư nhân	sản phẩm cơ khí tôn mỹ nghệ xuất khẩu	60		2	pH 6.9; SS 108; COD 18; BOD5 9.54; Fe 0.31 mg/L	xử lý sơ bộ lược bỏ chất rắn, bùn được nạo vét tập trung		có	chất thải rắn (bao bì hóa chất, chất thải vô cơ, giẻ lau): 1800 kg/năm; dung dịch nước tẩy rửa 160 m3/năm; bazơ tẩy thải 60 kg/năm; bùn lỏng 7.2 m3/năm		cống thoát chung của KCN	
13	Công ty TNHH Phú Đức	Lê Văn Tuấn 0350.3670340	lô C2-2 KCN Hòa Xá	2003	tư nhân	sản phẩm cơ khí tôn mỹ nghệ xuất khẩu	70		2	pH 7.0; SS 105; COD 19; BOD5 9.8; Fe 0.35 mg/L	có xử lý sơ bộ, bùn được nạo vét tập trung		có	dung dịch tẩy rửa 180m3/năm; bazơ tẩy thải 75 kg/năm; bùn lỏng 8m3		cống thoát chung của KCN	

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: NAM DINH, listed by estates and production

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Name of contact person	Địa chỉ/ Location	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Các nguồn phát sinh /Resources of waste water (from activities or domestic waste) nước thải	Lưu lượng/Flow (m3/ day)	Wastewater main contaminant	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Industry connected to centralized WW sewer or not?	Hazardous waste production type	Hazardous waste volume (kg/day)	Nguồn tiếp nhận/Water course receiver	Lưu ý/Note
May mặc																	
14	Công ty TNHH Tây Nam (Nhà máy Dệt len Hòa Xá)		lô C5-4; C5-5; C5-6 đường D3 KCN Hòa Xá	03/03/2003	tư nhân	quần, áo, váy len	180	nước thải sinh hoạt	8					giẻ lau máy 30 kg/năm; bóng đèn tuýp 100 cái/năm		cống thoát chung KCN	
15	Công ty Cổ phần May NamĐịnh	Phạm Văn Toản 0350.3849038	lô H1+H5 đường Phạm Ngũ Lão KCN Hòa Xá	1962	nhà nước	sản xuất gia công hàng may mặc xuất khẩu	2000	nước thải sinhhoạt	30		có xử lý sơ bộ,		có				chi phí đầu tư xử lý 200 triệu VND, chi phí vận hành hàng năm 25 triệu VND
16	Công ty TNHH YoungoneNamĐịnh	Trần Hữu Cương 0985915057	KCN Hòa Xá	12/23/2003	liên doanh	áo jacket xuất khẩu	10474	nước thải sinhhoạt	300							6 điểm xả giáp tường rào công ty và đường nội bộ N2	
Khác																	
17	Công ty Phát triển vàKhai thác hạ tầng KCN tỉnh NamĐịnh	Nguyễn Xuân Hạnh 0984822778	đường Phạm Ngũ Lão, KCN Hòa Xá	05/02/2003	nhà nước												
18	Chi nhánh Công ty cổ phần bao bì Nam Ninh	Lê Minh Thành 0350.3671756	lô B4 (C5-7) đường N4-KCN Hòa Xá, Nam Định	08/22/2007	tư nhân	thùng, bìa carton	76		2.6		xử lý sơ bộ loại bỏ chất rắn kích thước >0.8 cm		có	mực in			điểm xả giáp với nghĩa địa phía Tây nam
19	Công ty Cổ phần Lâm sản NamĐịnh		KCN Hòa Xá, Nam Định	Oct-91	Công ty cổ phần	đồ mộc xuất khẩu và tiêu thụ trong nước sản xuất từ gỗ rừng trồng	500				lắng không có hóa chất			thùng đựng keo, dầu lau, giẻ lau có dầu			
20	Công ty TNHH Dệt may Hoàng Dũng	Trần Thế Dần 0913299007	lô C1, đường N4, KCN Hòa Xá, Nam Định	12/31/2004	tư nhân	vải mộc các loại	150	nước thải tiền xử lý vải; nước thải giặt sau hoàn tất; nước thải sinh hoạt	10		xử lý sơ bộ, lắng có hóa chất; keo tụ lắng qua các ngăn bể		có			xả vào cống thải của KCN	chi phí đầu tư xử lý 150 triệu VND
21	Công ty TNHH Minh Hằng	Hoàng Thị Toan 0350.3848862	lô C8-3 KCN Hòa Xá	01/03/2001	tư nhân	giày, dép, ủng nhựa các loại	110		4.67				có			cống thoát chung của KCN	
22	Trạm chiết nạp Hồng hà Gas Nam Định	Trần Thị Lan Hương 04.22427736	lô A0 KCN Hòa Xá	07/12/2006	tư nhân	bình gas khí hóa lỏng 12-45kg, Hồng Hà gas											
23	Ngân hàng NN&PTNT	Nguyễn Văn Thiêm 0350.3670941	lô N5 đường Phạm Ngũ Lão KCN Hòa Xá NamĐịnh	04/01/2007	nhà nước		47	nước thải sinh hoạt	1.5				có			cống thoát chung của KCN	
24	Công ty TNHH Universal Candle Vietnam	TRần Văn Lý 0983350255	lô H7+H9 KCN Hòa Xá	09/05/2005	liên doanh	nến và các sản phẩm liên quan tới nến	746		50		gom và lược chất rắn, lắng không có hóa chất; xử lý thứ cấp bằng đệm giá thể vi sinh; bùn được xử lý	TCVN 5945-2005 cột B	có	vỏ thùng sơn, dung môi các loại: 1260 kg/năm; giẻ lau dính sơn 24			chi phí đầu tư xử lý 800 triệu VND; chi phí vận hành hàng năm 20.4 triệu VND
25	Công ty Cổ phần Khí - Hóa chất Trường Nam	Ngô Thanh Bình 0350.3670990	lô H6 đường D5 KCN Hòa Xá	05/22/2005	tư nhân	khí ôxy và nitơ công nghiệp	30		0								
26	Công ty Cổ phần Bia NaDa - Nhà máy đồ uống NADA	Vũ Công Quảng 0350.3649521	đường D2 KCN Hòa Xá	Oct-04	Công ty cổ phần	bia	120			BOD5 12; COD 42.75; sunfua 0.6 mg/L, coliforms 5008	có xử lý sơ bộ, hiếu khí, lắng, hồ sinhhọc; bùn được chứa trogn bể và chuyển về khu xử lý của nhà nước			dầu bôi trơn 300 kg/năm; bùn từ quá trình xử lý 480 kg/năm, giẻ lau 24 kg/năm			chi phí đầu tư xử lý 2.5 tỉ VND; chi phí vận hành hàng năm 186 triệu VND
KCN Hoa Xá 2																	
27	Công ty CP khí hoá chất Trường Nam																
28	Công ty CP dược phẩm Minh Dân																
29	Công ty TNHH Việt Anh																
30	Công ty TNHH dệt may Hoàng Dũng																
31	Công ty TNHH Nam Hược																
32	Công ty TNHH Hồng Phát																
33	Công ty CP xây dựng công trình đô thị NamĐịnh																
34	Công ty TNHH nhà nước một thành viên dệt lụa NamĐịnh																
35	Công ty TNHHĐịnh Công																
36	Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNTtỉnh NamĐịnh																
37	Công ty TNHH thương mại Trần Hồng Quân																
38	Doanh nghiệp tư nhân Châu Thành																
39	Công ty TNHH dệt may DHTEX																
40	Công ty TNHH liên doanh Nam Hương																
41	Công ty CPĐức Thắng																
42	Công ty TNHH Minh Quang																
43	Công ty CP cơ khí xây dựng Việt Triều																

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: NAM DINH, listed by estates and production

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Name of contact person	Địa chỉ/ Location	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Các nguồn phát sinh /Resources of waste water (from activities or domestic waste) nước thải	Lưu lượng/Flow (m3/ day)	Wastewater main contaminant	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Industry connected to centralized WW sewer or not?	Hazardous waste production type	Hazardous waste volume (kg/day)	Nguồn tiếp nhận/Water course receiver	Lưu ý/Note
44	Công ty CP Nam Kinh																
45	Doanh nghiệp tư nhân Hà Hưng																
46	Công ty CP bao bì Nam Ninh																
47	Doanh nghiệp tư nhân thương mại Dân Phú																
48	Công ty CP đầu tư và xây dựng Hưng Thịnh																
49	Công ty TNHH Đạo Minh																
50	Công ty kinh doanh khí hoá lỏng miền Bắc																
51	Công ty TNHH Dongyang ST Vina																
52	Công ty CP TCE VINA DENIM																
53	Doanh nghiệp tư nhân Tuyết Thanh																
54	Công ty CP tập đoàn Phú Thái																
55	Công ty CP Nguyên Tảo																
56	Công ty 20 - Bộ quốc phòng																
57	Công ty TNHH D.F.ZIN																
58	Công ty TNHH Thanh Bình																
59	Công ty TNHH khí công nghiệp Việt Nam																
60	Công ty CP gạch ốp lát Việt Ý - DATC																
61	Công ty TNHH Sungnam Knitting Mills																
62	Công ty TNHH đầu tư và thương mại Minh Trường Giang																
63	Doanh nghiệp tư nhân Thắng Mạnh Dung Anh																
64	Công ty TNHH Garam Sport - Vina																
65	Công ty TNHH Anh Phát																
66	Công ty CP Thanh Thủy																
67	Công ty CP thương mại Hương Giang																
68	Công ty TNHH Thanh Nguyên																
69	Công ty TNHH Quang Toàn																
70	Công ty TNHH Thái Quân																
71	Công ty TNHH Sài Gòn - Vĩnh Lộc																
72	Công ty CP tập đoàn Honlei Việt Nam																
73	Công ty TNHH Mai Văn Đáng																
74	Công ty TNHH thương mại Hoà Bình																
75	Công ty TNHH Tân An																
76	Công ty TNHH TânĐạt Thành																
77	Công ty TNHH Phú Hải																
78	Công ty TNHH Quang Toàn																
79	Công ty TNHH Arksun Việt Nam																
KCN My Trung		**Mỹ Lộc district**															
1	Công ty TNHH T.I.N	Hoàng mai Thành 0350.3819055/9	lô D6 KCN Mỹ Trung, Mỹ Lộc, Nam Định	Nov-06	liên doanh	áo sơ mi và các sản phẩm may mặc khác, phụ liệu may mặc các loại											công ty ký hợp đồng cận chuyển và xử lý nước thải với công ty TNHH NN MTV Môi trường Đô thị Hà Nội - 18 Cao Bá Quát
2	Công ty CP công nghiệp tàu thuỷ Hoàng Anh		KCN Mỹ Trung														
3	Công ty TNHH Headwork Việt Nam		KCN Mỹ Trung														
4	Công ty TNHH T.I.N		KCN Mỹ Trung														
5	Công ty CP Nam Phương Hồng		KCN Mỹ Trung														
6	Công ty CP kết cấu thép và thiết bị nâng hạ Hoàng Anh		KCN Mỹ Trung														
7	Công ty CP vận tải xây dựng Vinaha		KCN Mỹ Trung														
8	Công ty CN công nghiệp tàu thuỷ Trường Xuân		KCN Mỹ Trung														
CCN Xuan Tien		**Xuân Trường district**															

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: NAM DINH, listed by estates and production

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Name of contact person	Địa chỉ/ Location	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Các nguồn phát sinh /Resources of waste water (from activities or domestic waste) nước thải	Lưu lượng/Flow (m3/ day)	Wastewater main contaminant	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Industry connected to centralized WW sewer or not?	Hazardous waste production type	Hazardous waste volume (kg/day)	Nguồn tiếp nhận/Water course receiver	Lưu ý/Note
14	Công ty TNHH Thanh Giang	Nguyễn Thị Tâm 0350.3885139	CCN Xuân Tiến, Xuân Trường, Nam Định	09/20/2004	tư nhân	máy đập lúa tĩnh tại, máy trộn bê tông các loại	40		4		chắn rác		không	giẻ lau dầu mỡ	100 kg/năm	mương dẫn nước của xã xả ra sông Ninh Cơ	
15	Công ty TNHH Cơ khí Nhật Việt	Trần Đức Dương 0913276727	CCN Xuân Tiến, Xuân Trường, Nam Định	1997	tư nhân	máy đập lúa tĩnh tại	200	nước thải sinhhoạt, nước rửa máy móc			xử lý chắn rác		không	giẻ lau dầu mỡ	200 - 300 kg/năm	mương dẫn nước của xã xả ra sông Ninh Cơ	

2. INVENTORIES OF INDUSTRIES WITHIN INDUSTRIAL ESTATES

In Province: NAM DINH, listed by estates and production

TT	Tên Công ty/cơ sở sản xuất/Name of industries	Name of contact person	Địa chỉ/ Location	Năm hoạt động/Year of operation	Loại hình doanh nghiệp/State owned or private	Sản phẩm/Product	Số nhân công/Number of employees (người)	Các nguồn phát sinh /Resources of waste water (from activities or domestic waste) nước thải	Lưu lượng/Flow (m3/ day)	Wastewater main contaminant	Treatment method (at industry)	Water quality after treatment (standard level)	Industry connected to centralized WW sewer or not?	Hazardous waste production type	Hazardous waste volume (kg/day)	Nguồn tiếp nhận/Water course receiver	Lưu ý/Note
CCN Xuan Bac		**Xuân Trường district**															
21	Công ty Cổ phần Mạnh Chí	Đỗ Thị Lý 0983276726	CCN Xuân Bắc, Xuân Trường , Nam Định	01/08/2003	tư nhân	giấy bao gói, giấy sóng (Kraft)	50		2		lắng có hóa chất, bùn được sử dụng bón cây và tái sản xuất						chi phí đầu tư xử lý 400 triệu VND, chi phí vận hành hàng năm 4.5 triệu
22	Công ty TNHH Tuyền Công	Đỗ Văn Công 0350.3887155	CCN Xuân Bắc, Xuân Trường , Nam Định	09/10/2005	tư nhân	mua bán sản xuất giấy phế liệu giấy bao bì	20		0.5		xử lý sơ bộ lắng có hóa chất, bùn được phơi khô			axít + xút dư theo nước thải			chi phí đầu tư xử lý 75 triệu VND, chi phí vận hành hàng năm 3 triệu VND